

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hương
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hương
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG – 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hương Mã SV: 1313401011
Lớp: QL701K Ngành: Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại VIC

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại VIC.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại VIC.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty TNHH Thương Mại VIC trong 3 năm gần đây.
 - Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại VIC.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: công ty TNHH Thương Mại VIC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Kiên**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại VIC.
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

ThS. Nguyễn Đức Kiên

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<i>Ký hiệu viết tắt</i>	<i>Chữ viết tắt</i>
BH, QLDN	Bán hàng, Quản lý doanh nghiệp
CP	Chi phí
CCDV	Cung cấp dịch vụ
GTGT	Giá trị gia tăng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
K/c	Kết chuyển
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	2
1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	2
1.1.1 Bán hàng	2
1.1.2 Doanh thu.....	2
1.1.3 Doanh thu thuần.....	2
1.1.4 Thời điểm ghi nhận doanh thu.....	2
1.1.5 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	2
1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu.....	3
1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu	4
1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu.....	5
1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh	6
1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6
1.5.1.1 Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp	6
1.5.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	6
1.5.1.3 Phương pháp hạch toán:	8
1.5.1.4 Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	8
1.5.1.5 Phương pháp hạch toán	9
1.5.1.6 Các khoản thuế làm giảm doanh thu	9
1.5.2 Kế toán giá vốn hàng bán	10
1.5.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho	10
1.5.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	11
1.5.2.3 Phương pháp hạch toán	11
1.5.3 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	12
1.5.3.1 Kế toán chi phí bán hàng.....	12
1.5.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	13
1.5.4 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	15
1.5.5 Kế toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	16
1.6 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính	16

1.6.1	Chứng từ sử dụng:	16
1.6.2	Tài khoản sử dụng	16
1.6.3	Phương pháp hạch toán	17
1.7	Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác.....	18
1.7.1	Chứng từ sử dụng	18
1.7.2	Tài khoản sử dụng	18
1.7.3	Phương pháp hạch toán	19
1.8	Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp	20
1.9	Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán	21
1.9.1	Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	21
1.9.2	Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.	22
1.9.3	Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ	22
1.9.4	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	23
1.9.5	Hình thức kế toán trên máy vi tính	23
	CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC	24
2.1	Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	24
2.1.1	Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại VIC.....	24
2.1.2	Đặc điểm sản phẩm tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	25
2.1.3	Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC	25
2.1.3.1	Đặc điểm doanh thu.....	25
2.1.3.2	Đặc điểm chi phí.....	26
2.1.3.3	Đặc điểm kết quả kinh doanh	26
2.1.4	Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	26
2.1.5	Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại VIC	26
2.1.6	Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại VIC	27
2.1.6.1	Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	27

2.1.6.2 Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Thương mại VIC	28
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC	29
2.2.1 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	29
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29
2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán	37
2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	42
2.2.2 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	48
2.2.3 Nội dung hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH Thương mại VIC	50
2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC	52
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC	61
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH thương mại VIC.....	61
3.1.1 Ưu điểm	61
3.1.2 Hạn chế.....	63
3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh Công ty TNHH Thương mại VIC.....	64
3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	64
3.4 Nội dung và kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	65
3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC.	73
KẾT LUẬN	74
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	75

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Hoạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ.....	8
Sơ đồ 1.2. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
Sơ đồ 1.3. Hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu.	9
Sơ đồ 1.4. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	11
Sơ đồ 1.5. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	12
Sơ đồ 1.6. Hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	14
Sơ đồ 1.7. Hạch toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15
Sơ đồ 1.8. Hạch toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	15
Sơ đồ 1.9. Hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	16
Sơ đồ 1.10. Hạch toán doanh thu và chi phí và kết quả hoạt động tài chính	17
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác.....	19
Sơ đồ 1.12. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp	20
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký chung	21
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái	22
Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ	22
Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	23
Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán trên máy tính	23
Sơ đồ 2.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại VIC ...	27
Sơ đồ 2.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC	27
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.....	28

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng.....	30
Biểu số 2.2: Phiếu thu.....	31
Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng.....	32
Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng.....	33
Biểu số 2.5: Giấy báo có.....	34
Biểu số 2.6: Trích sổ Nhật ký chung.....	35
Biểu số 2.7: Trích Sổ cái TK 511.....	36
Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho.....	38
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho.....	38
Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho.....	39
Biểu số 2.11: Trích sổ Nhật ký chung.....	40
Biểu số 2.12: Trích sổ cái TK 632.....	41
Biểu số 2.13: Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu tháng 12/2014.....	42
Biểu số 2.14: Bảng phân bổ lương tháng 12/2014.....	43
Biểu số 2.15: Trích bảng tính và phân bổ khấu hao tháng 12/2014.....	44
Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung.....	45
Biểu số 2.17: Trích sổ cái TK 641.....	46
Biểu số 2.18: Trích sổ cái TK 642.....	47
Biểu số 2.19: Giấy báo có.....	48
Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung.....	49
Biểu số 2.21: Trích sổ cái TK 515.....	50
Biểu số 2.22: Phiếu chi.....	51
Biểu số 2.23: Trích sổ Nhật ký chung.....	51
Biểu số 2.24: Trích sổ cái TK 811.....	52
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 46.....	53
Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 47.....	53
Biểu số 2.27: Trích sổ Nhật ký chung.....	54
Biểu số 2.28: Trích sổ cái TK 911.....	55
Biểu số 2.29: Phiếu kế toán số 48.....	56
Biểu số 2.30: Trích sổ cái TK 821.....	56
Biểu số 2.31: Phiếu kế toán số 49.....	57
Biểu số 2.32: Phiếu kế toán số 50.....	57

Biểu số 2.33: Trích sổ cái TK 421.....	58
Biểu số 2.34: Trích bảng cân đối tài khoản.....	59
Biểu 2.35: Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	60
Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng.....	66
Biểu số 3.2: Trích Sổ chi tiết bán hàng.....	67
Biểu số 3.3: Sổ Chi phí sản xuất kinh doanh.....	68
Biểu số 3.4: Sổ Chi phí sản xuất kinh doanh.....	69
Biểu số 3.5: Bảng phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	71
Biểu số 3.6: Trích bảng phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp....	71

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa doanh thu – tối thiểu hóa chi phí. Nhưng để làm được điều đó, các doanh nghiệp phải luôn cố gắng trong quá trình quản lý, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, việc quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vấn đề rất quan trọng, nó góp phần cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng, nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại VIC em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài: “**Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại VIC**”.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại VIC.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại VIC.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- *Đối tượng nghiên cứu:* Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại VIC.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Tại Công ty TNHH Thương Mại VIC năm 2014.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài lời mở đầu và kết luận, kết cấu của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại VIC.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại VIC.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1 Bán hàng

Bán hàng là giai đoạn cuối cùng của quá trình tiêu thụ sản phẩm, nó là quá trình chuyển đổi từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ và kết thúc.

1.1.2 Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.3 Doanh thu thuần

Doanh thu thuần là doanh thu thực tế doanh nghiệp đã thực hiện trong một kỳ kế toán. Doanh thu thuần (=) tổng doanh thu (-) các khoản giảm trừ. Các khoản giảm trừ bao gồm: các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại và các khoản thuế (thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp).

1.1.4 Thời điểm ghi nhận doanh thu

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác, thời điểm người mua trả tiền hay chấp nhận nợ về lượng hàng hoá, vật tư, dịch vụ đã được người bán chuyển giao.

1.1.5 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (lãi hay lỗ về tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, cung ứng lao vụ dịch vụ) là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh

doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu này được gọi là "*Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh*".

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần - (Giá vốn hàng bán + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)

➤ **Kết quả hoạt động tài chính:**

Hoạt động tài chính là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

Kết quả hoạt động tài chính (lãi hay lỗ từ hoạt động tài chính) là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính với các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động tài chính = Thu nhập hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính

➤ **Kết quả hoạt động khác:**

Hoạt động khác là hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện, các hoạt động khác như: thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu được tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, thu được khoản nợ khó đòi đã xoá sổ,...

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập hoạt động khác - Chi phí hoạt động khác

1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC.

- **Doanh thu bán hàng** được ghi nhận đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận thỏa mãn tất điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

+ Xác định được chi phí phát sinh giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính .

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay sẽ thu tiền.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo qui định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên TK5114- Doanh thu trợ cấp trợ giá.

1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp thì kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ và cuối mỗi kỳ phải xác định kết quả kinh doanh của hoạt động kinh doanh làm căn cứ để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để xử lý, hệ thống hoá, cung cấp thông tin về tình hình hiện có và biến động

của hàng hoá, tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý hàng hoá còn trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Khi thực hiện tốt các yêu cầu trên nó sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác tiêu thụ nói riêng và cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin.

1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh

1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1.1 Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp

- Phương thức tiêu thụ trực tiếp: Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm giao cho khách hàng ngay tại kho hoặc phân xưởng của doanh nghiệp, hàng xuất được chuyển giao quyền sở hữu ngay.

- Phương thức gửi hàng đi bán: Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm gửi đi cho khách hàng đến địa điểm đã quy định, hàng xuất gửi đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng

1.5.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

a. Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

+ Hóa đơn bán hàng

+ Phiếu xuất kho

+ Phiếu thu tiền hoặc giấy báo có của ngân hàng.

b. Tài khoản sử dụng:

➤ **Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị sản phẩm, hàng hóa dịch vụ mà doanh nghiệp đã bán, đã cung cấp cho khách hàng được xác định là tiêu thụ.

- Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa: được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật tư.

+ Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm: được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: công nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.

+ Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: được sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

+ Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá: được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

+ Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

+ Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

➤ **Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ**

Doanh thu bán hàng nội bộ là số tiền thu do bán hàng hóa, sản phẩm, cung ứng dịch vụ cho các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty hay tổng công ty...trong điều kiện hạch toán toàn ngành, trừ lương cho người lao động bằng sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng nội bộ.

- Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2:

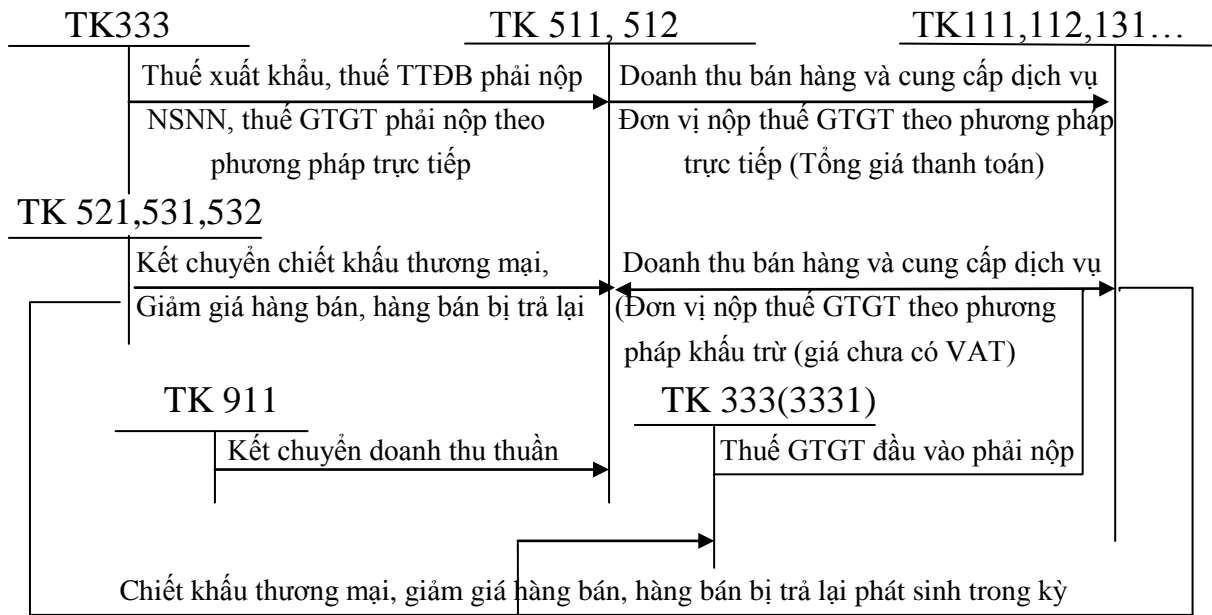
+ Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hóa nội bộ.

+ Tài khoản 5122 – Doanh thu bán thành phẩm nội bộ.

+ Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ.

1.5.1.3 Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.1: Hoạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ.



Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.5.1.4 Chứng từ và tài khoản sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn Giá trị gia tăng.
- Hóa đơn bán hàng.
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

b. Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại**

- Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua, bán hàng giữa các bên.

- Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5211: Chiết khấu hàng hoá.
- + Tài khoản 5212: Chiết khấu thành phẩm.
- + Tài khoản 5213: Chiết khấu dịch vụ.

➤ **Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại**

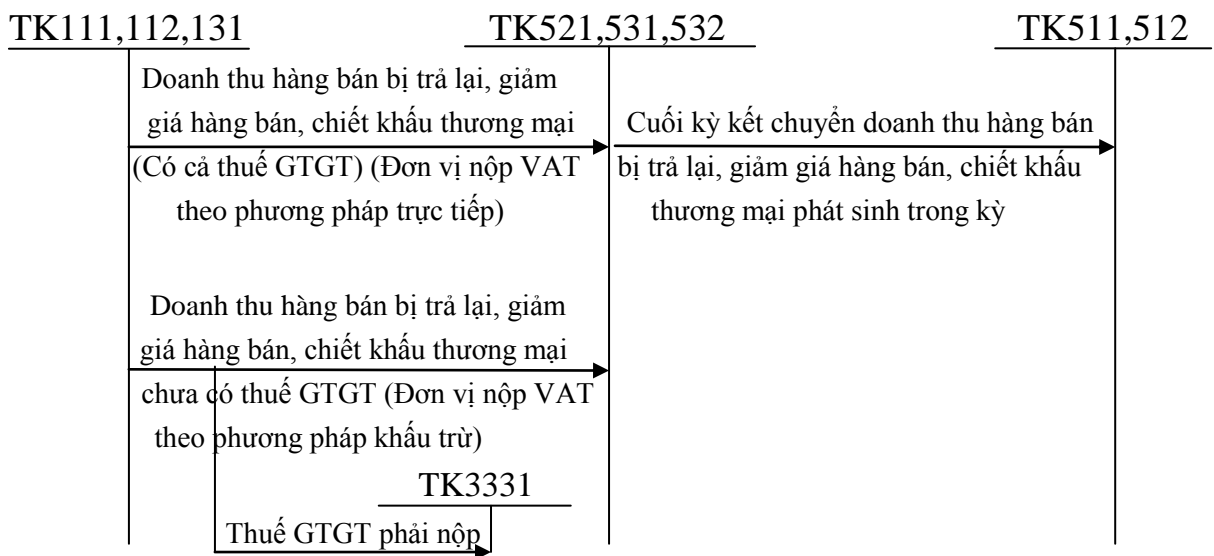
Hàng bán bị trả lại: Giá trị của số sản phẩm đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân vi phạm cam kết hoặc hợp đồng kinh tế như hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

➤ **Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán**

Giảm giá hàng bán: Khoản giảm trừ được người bán chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận vì lý do hàng kém phẩm chất, hay không đúng quy cách theo quy định trên hợp đồng kinh tế.

1.5.1.5 Phương pháp hạch toán

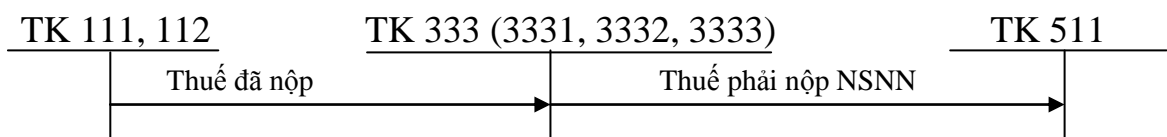
Sơ đồ 1.2. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.5.1.6 Các khoản thuế làm giảm doanh thu

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp (TK 3331).
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332): là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Thuế xuất khẩu (TK 3333 – XK): là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

Sơ đồ 1.3. Hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu.



1.5.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.5.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán có thể thông qua một trong bốn phương pháp sau:

a. Phương pháp bình quân gia quyền.

- Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế của} \\ \text{hàng xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng xuất} \\ \text{kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân} \end{array}$$
$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân của} \\ \text{hàng hoá xuất kho trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{hoá nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

- Nếu sau mỗi lần nhập, xuất sản phẩm kế toán xác định lại đơn giá thực tế bình quân thì giá đó là giá thực tế bình quân gia quyền liên hoàn.

- Nếu đến cuối kỳ kế toán mới xác định đơn giá thì đơn giá bình quân đó là đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ.

b. Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO).

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy, đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

c. Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO).

Theo phương pháp này kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho, kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của các lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá của các lần nhập đầu tiên.

d. Phương pháp thực tế đích danh.

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhân diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

1.5.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

a. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

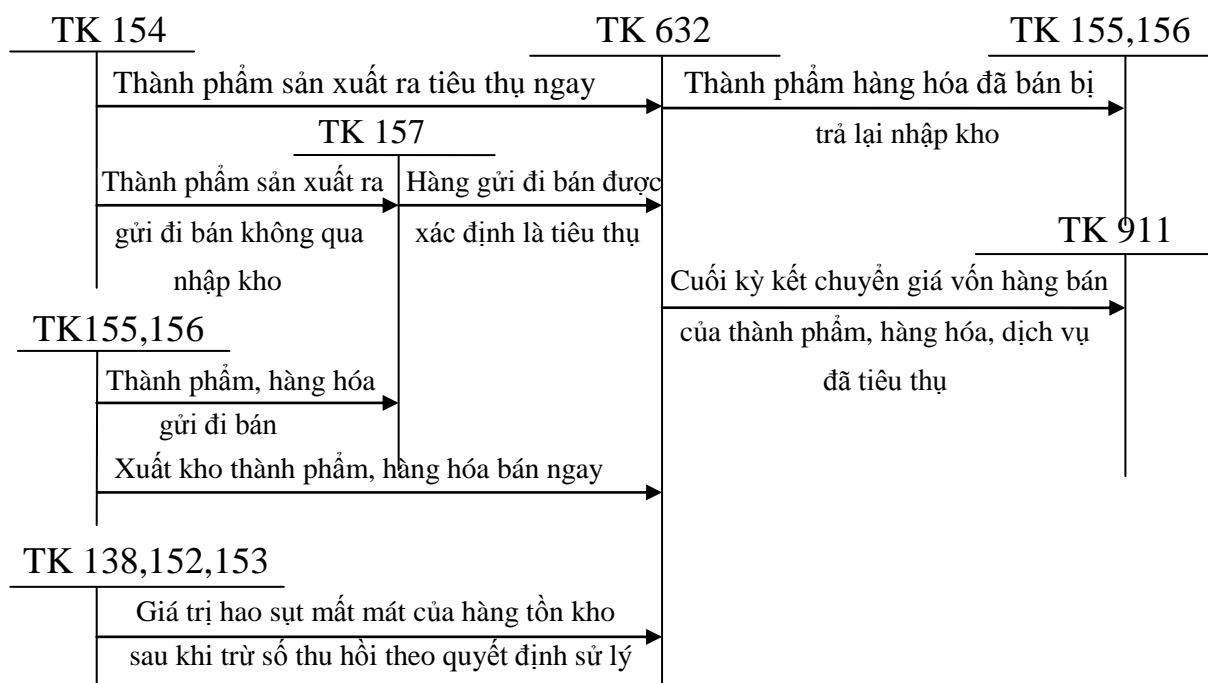
b. Tài khoản sử dụng:

Giá vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hoá (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.5.2.3 Phương pháp hạch toán

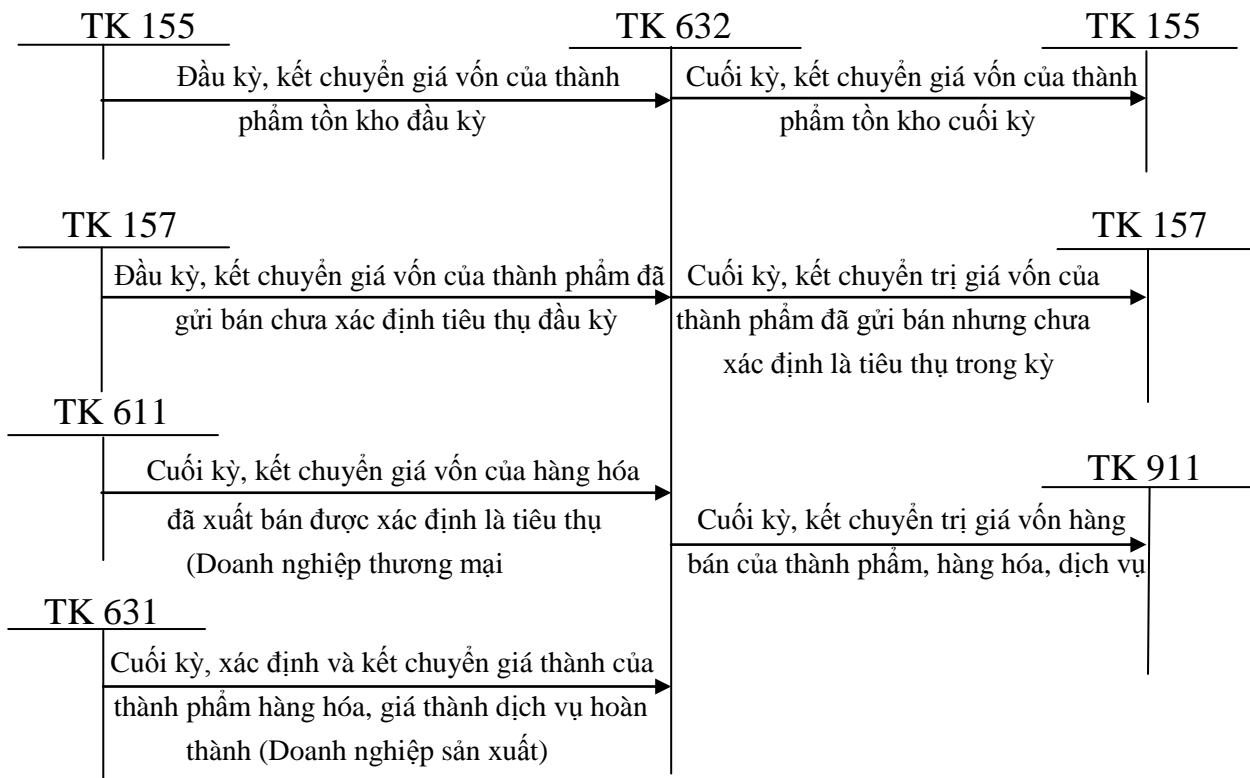
a. Đối với kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Sơ đồ 1.4. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



b. Đối với kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Sơ đồ 1.5. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.5.3 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

1.5.3.1 Kế toán chi phí bán hàng

a. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng

- Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm,...

- Kế toán sử dụng Tài khoản 641 - "Chi phí bán hàng" để hạch toán.

Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên.
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.

- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6415: Chi phí bảo hành.
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

1.5.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Căn cứ vào các bảng phân bổ (bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

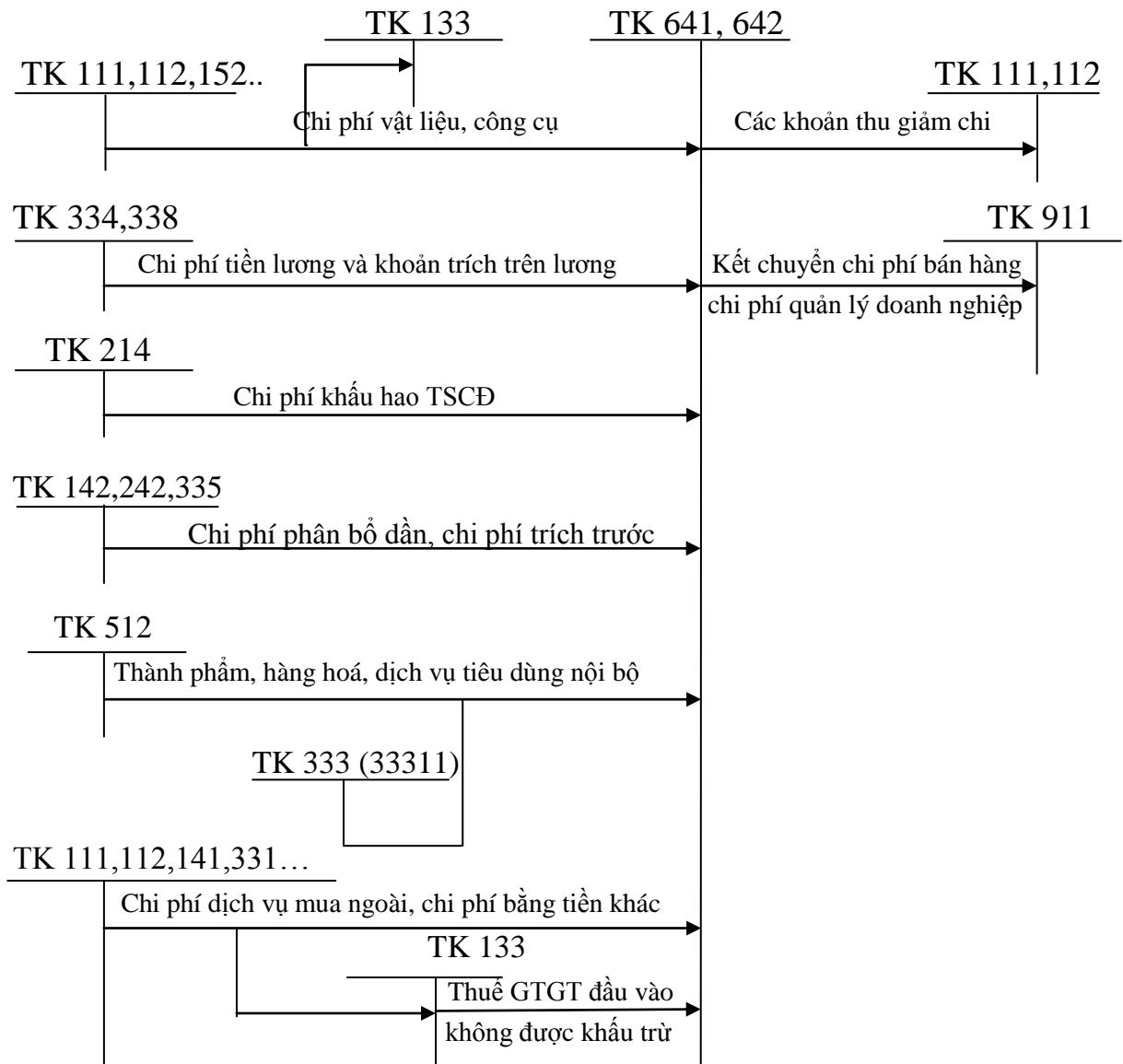
- Kế toán sử dụng Tài khoản 642 - "Chi phí quản lý doanh nghiệp" để hạch toán.

TK 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

c. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6. Hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp



1.5.4 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài khoản kế toán sử dụng

- Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

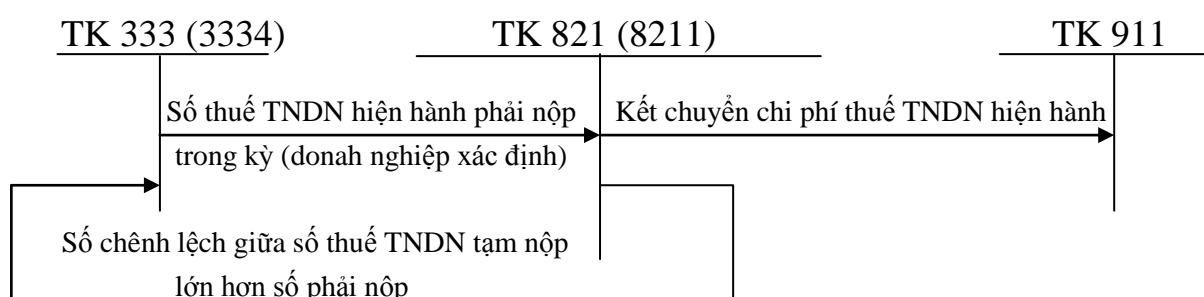
- TK 821 có 2 TK cấp 2:

+ TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

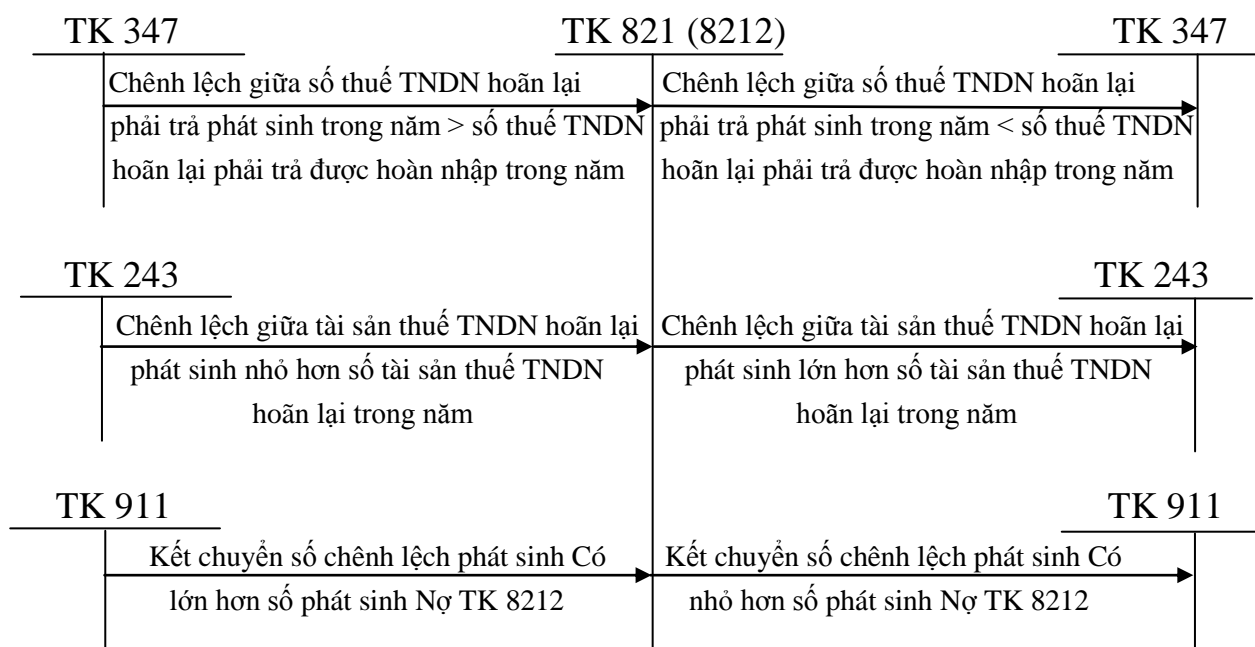
+ TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

b. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7. Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.8. Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



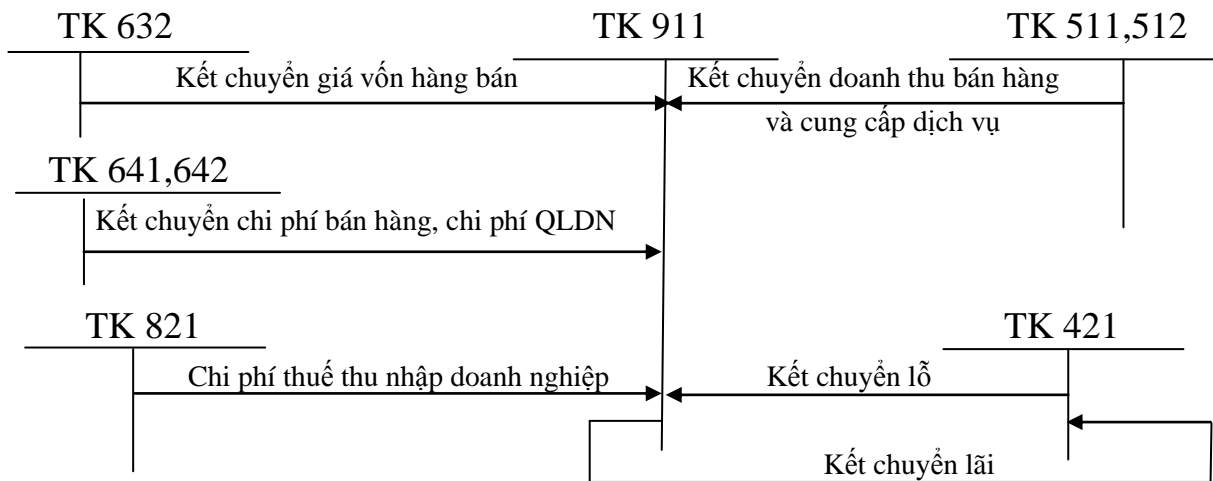
1.5.5 Kế toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

b. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9. Hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



1.6 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

1.6.1 Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

1.6.2 Tài khoản sử dụng

➤ Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

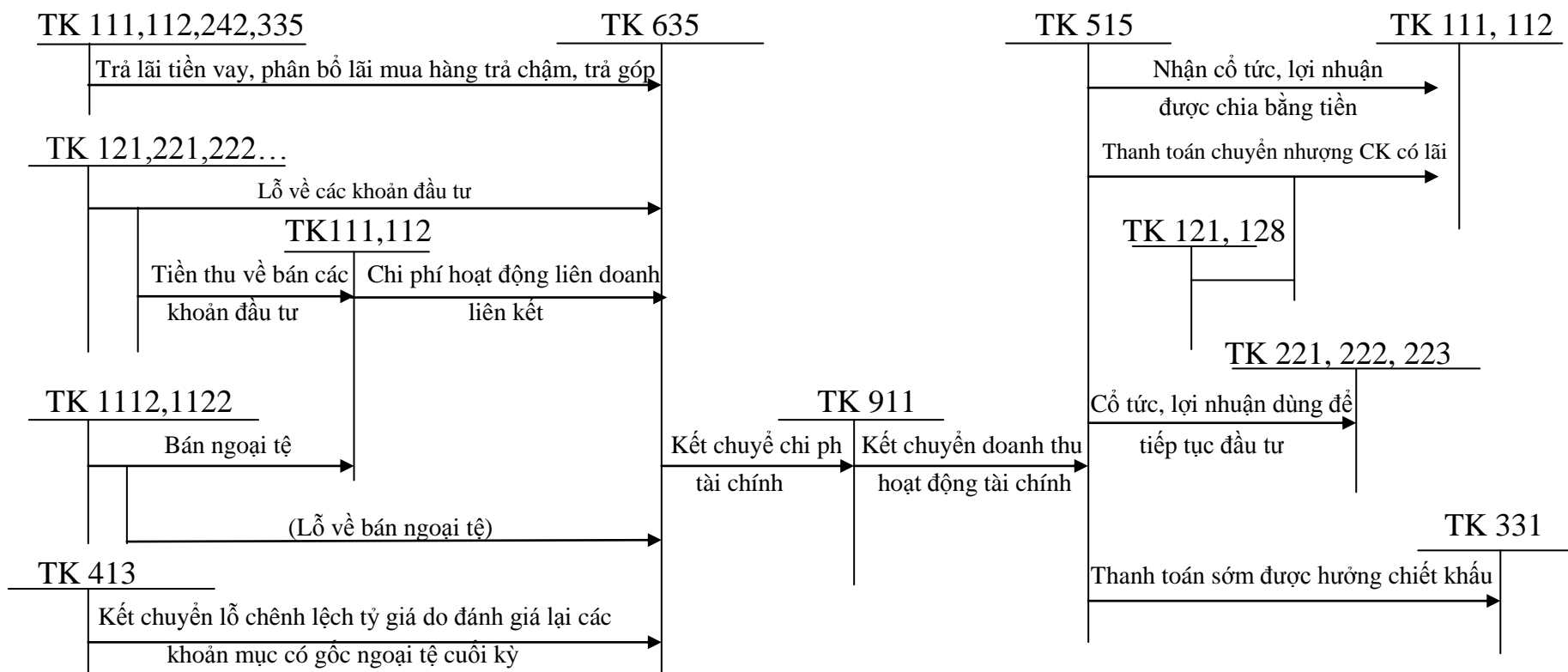
Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi; Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn; ...

➤ Tài khoản 635 - Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

1.6.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10. Hạch toán doanh thu và chi phí và kết quả hoạt động tài chính



1.7 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác

1.7.1 Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu....

1.7.2 Tài khoản sử dụng

➤ *Tài khoản 711 – Thu nhập khác*

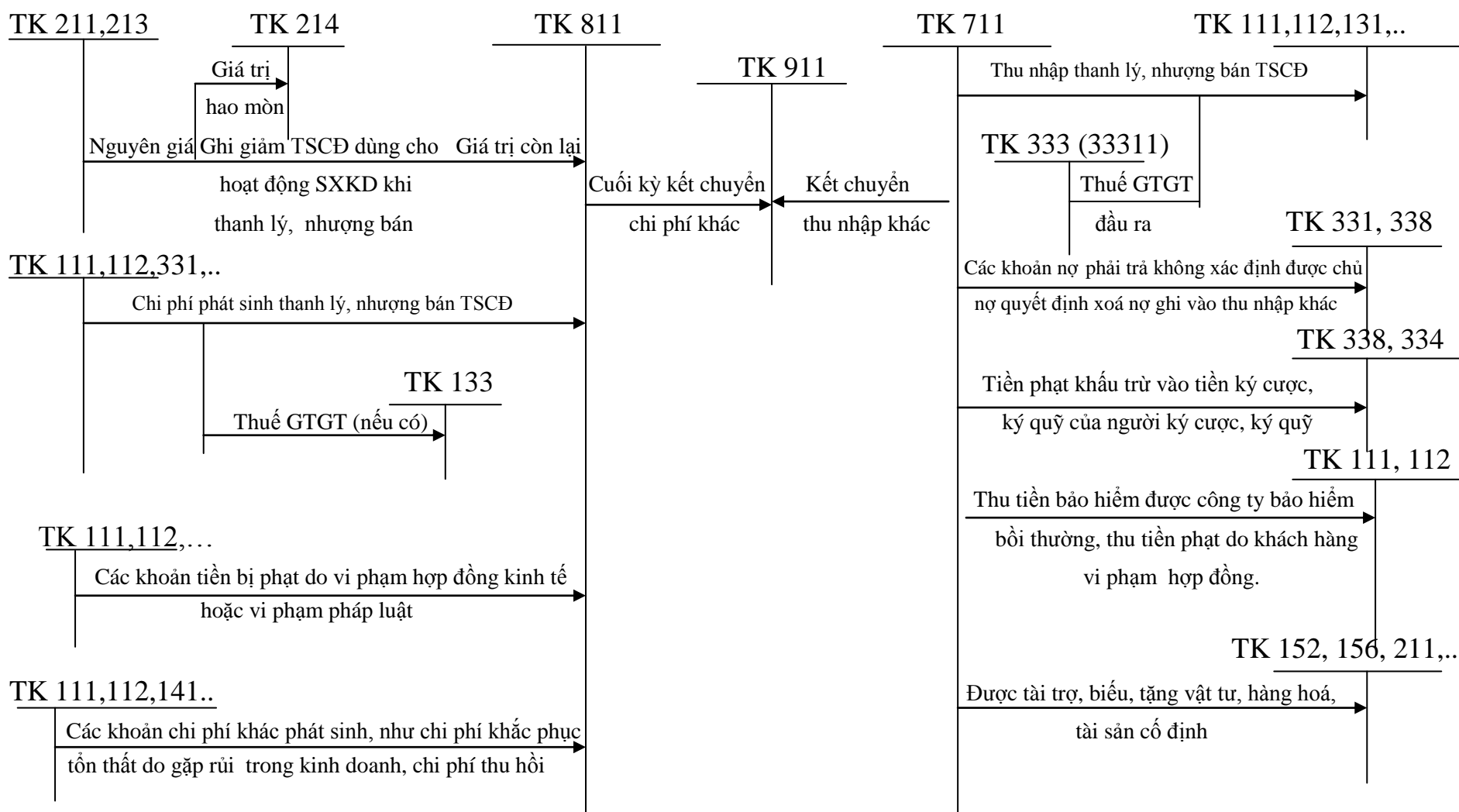
Kế toán thu nhập khác là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ HH, SP, DV không tính trong doanh thu (nếu có); Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho DN; Các khoản thu nhập khác.

➤ *Tài khoản 811 – Chi phí khác*

Kế toán chi phí khác là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của DN, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác.

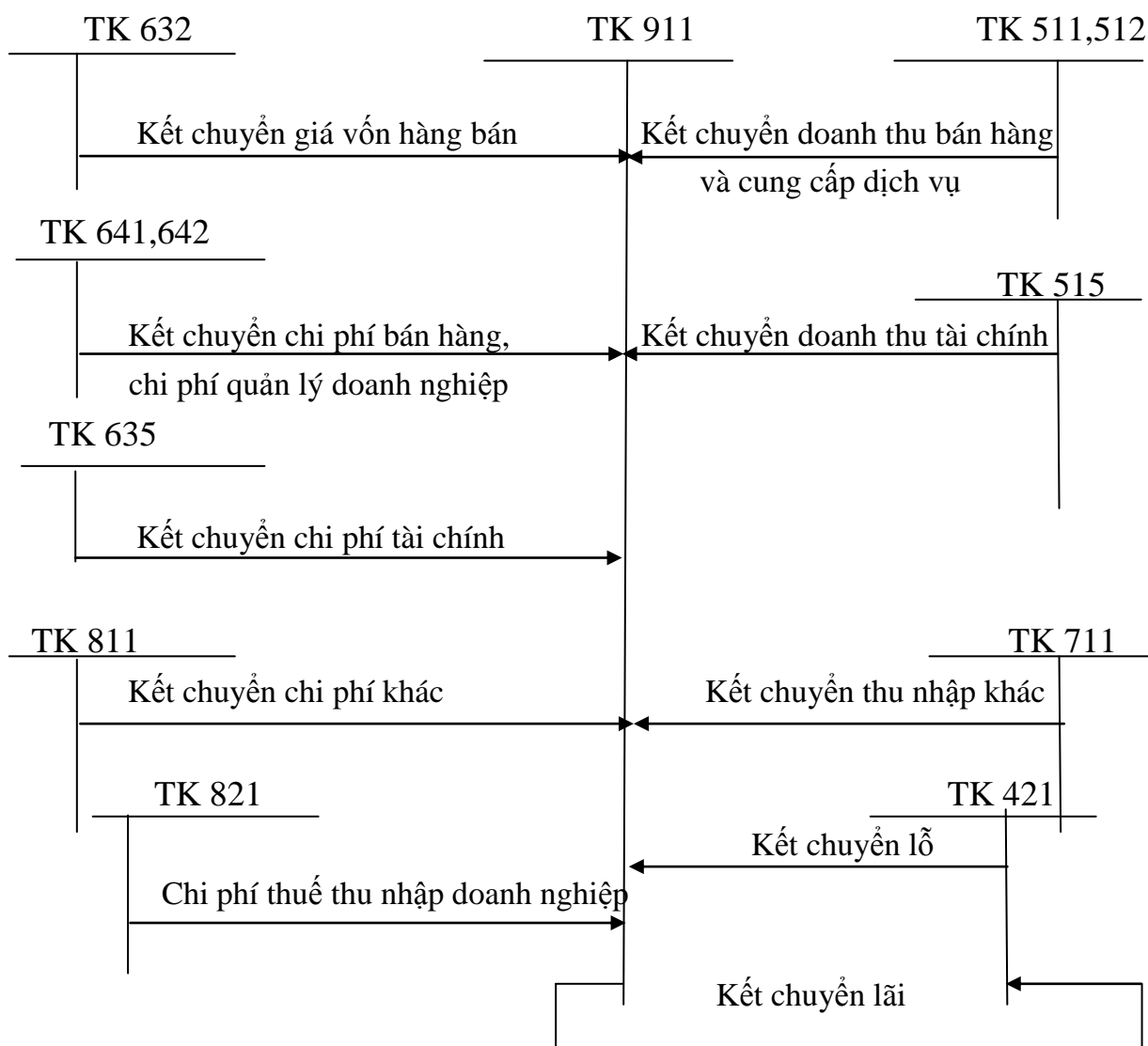
1.7.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác.



1.8 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

Sơ đồ 1.12. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp



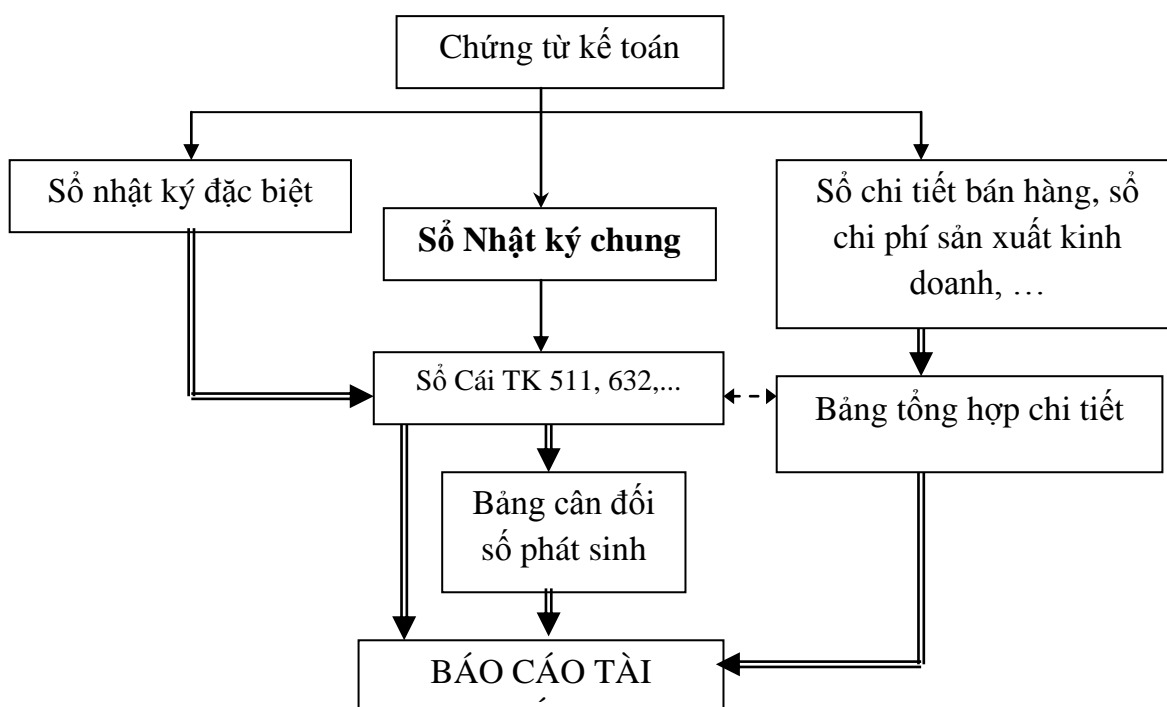
1.9 Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.9.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký chung

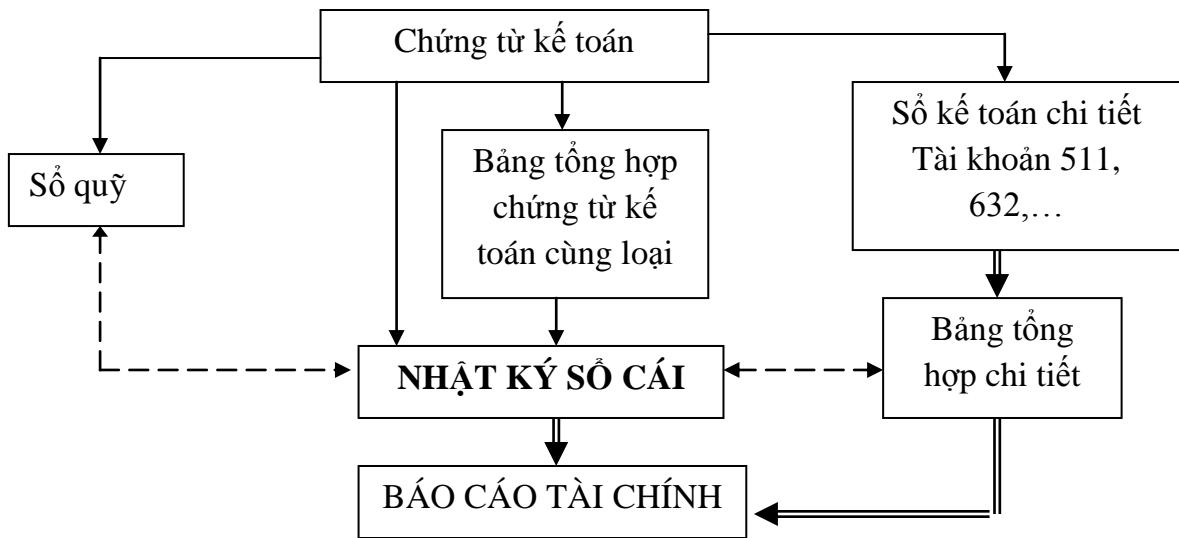


Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←.....> Đối chiếu

1.9.2 Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.

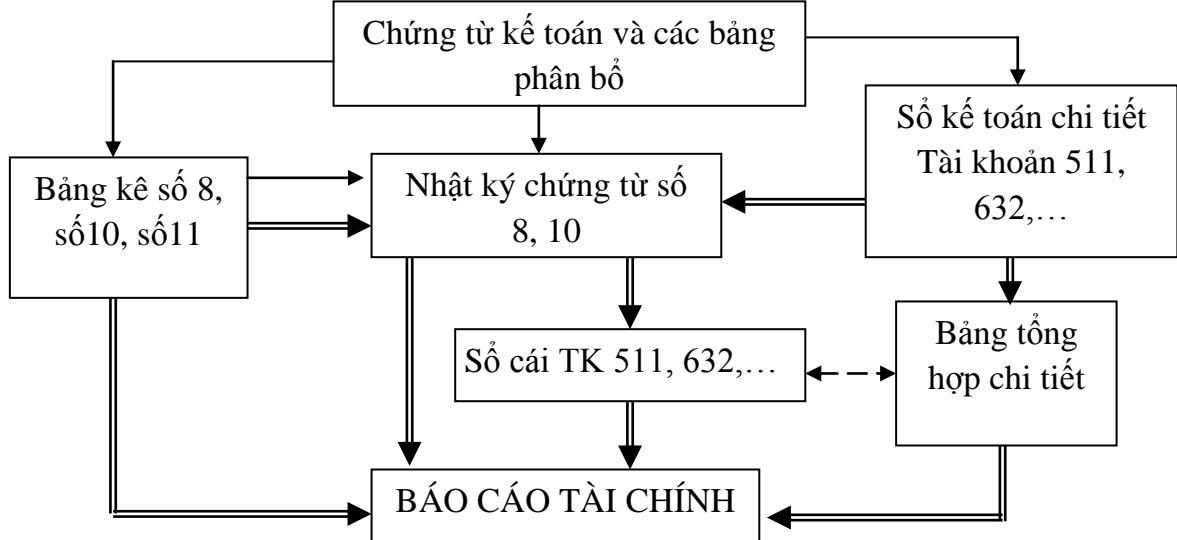
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái



Ghi chú \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng
 \longleftrightarrow Đối chiếu

1.9.3 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

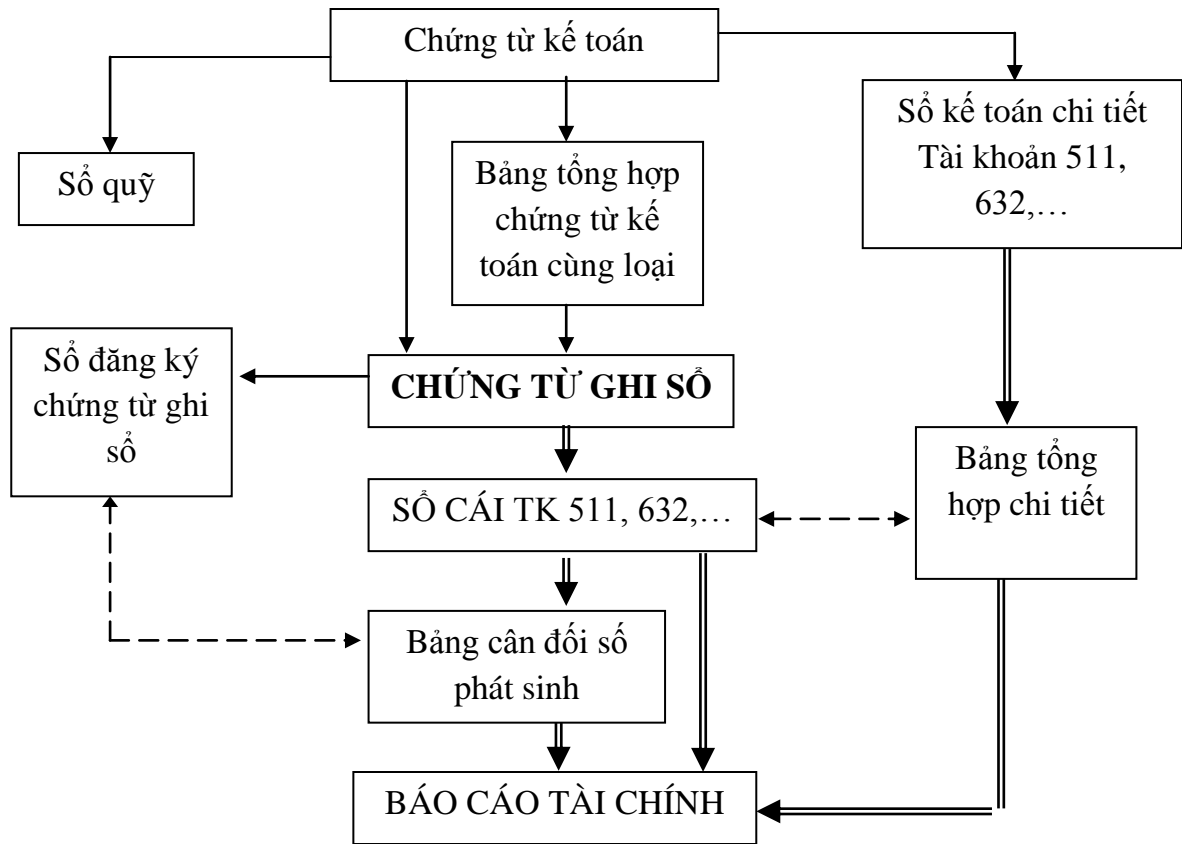
Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ



Ghi chú \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng
 \longleftrightarrow Đối chiếu

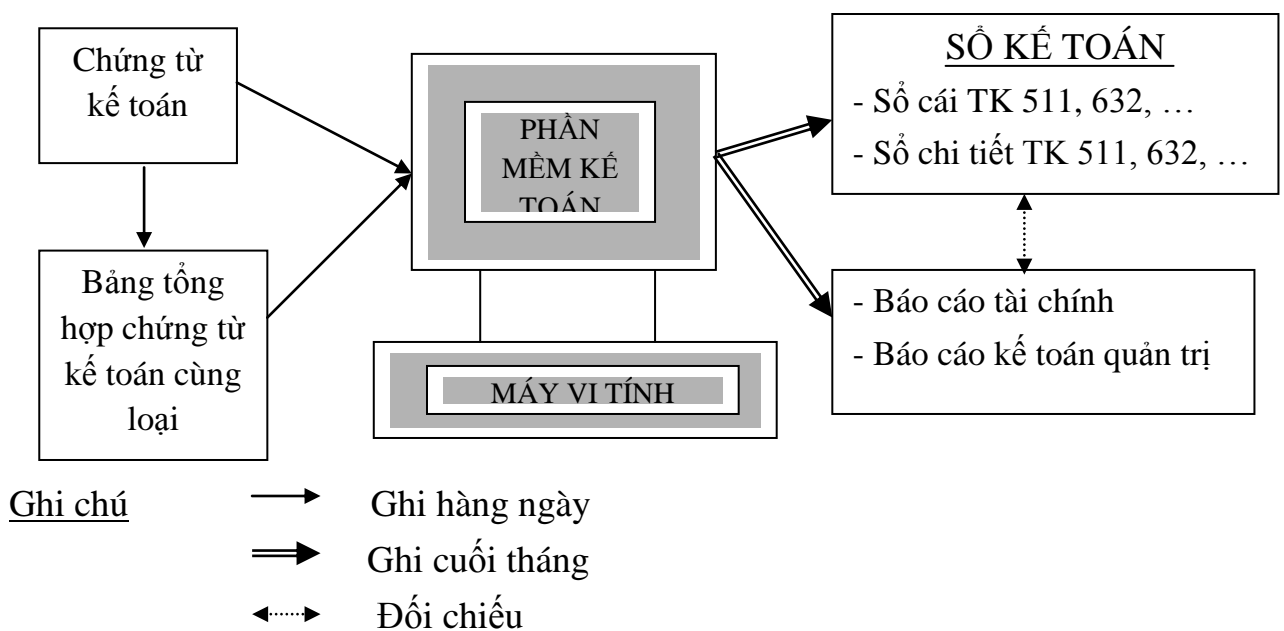
1.9.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



1.9.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán trên máy tính



CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI VIC

2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại VIC

Công ty TNHH Thương mại VIC là một doanh nghiệp 100% vốn trong nước được thành lập ngày 27/4/1999 theo giấy phép thành lập số 095/TLDN của UBND thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 070618 do Sở Kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp với ngành nghề chính là sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc. Sau đây là một vài nét chính về công ty:

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Thương mại VIC
- Tên tiếng Anh: VIC
- Tổng giám đốc: Nguyễn Hữu Lợi
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH
- Địa chỉ liên hệ: Khu công nghiệp Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.
- Lĩnh vực kinh doanh:
 - + Đại lý, mua bán hàng tư liệu sản xuất, hàng tư liệu tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, nông sản thực phẩm, lương thực.
 - + Chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi.
 - + Dịch vụ vận tải, tiếp nhận hàng hóa.
 - + Nuôi trồng thủy sản.
 - + Chế biến nông sản, thực phẩm công nghệ, đồ uống, lương thực, gia vị
 - + Kinh doanh thuốc thú y.
 - + Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ.
- Nhóm ngành nghề: Nông sản – Thực phẩm.
- Điện thoại: 0313742978
- Địa chỉ website: <http://www.conheovang.com>

2.1.2 Đặc điểm sản phẩm tại Công ty TNHH Thương mại VIC

Công ty TNHH Thương mại VIC với 4 thương hiệu lớn là: Con heo vàng, Ông Tiên, VISICO, Vàng Mười. Bao gồm các sản phẩm chủ yếu:

- Sản phẩm thức ăn cho lợn:
 - + Thức ăn thẳng: 8 sản phẩm hỗn hợp.
 - + Thức ăn phối trộn cùng nguyên liệu địa phương: 20 sản phẩm đậm đặc.
- Sản phẩm làm thức ăn cho gia cầm, gồm:
 - + Thức ăn thẳng cho vịt: 5 sản phẩm hỗn hợp
 - + Thức ăn phối trộn cùng nguyên liệu địa phương cho gà: 2 sản phẩm đậm đặc.
- Sản phẩm làm thức ăn cho đại gia súc:
 - + Thức ăn cho bò thịt: 2 sản phẩm đậm đặc
- Sản phẩm làm thức ăn cho cá
 - + Thức ăn thẳng: 17 sản phẩm hỗn hợp.

Tổng cộng công ty có 30 sản phẩm hỗn hợp và 24 sản phẩm đậm đặc.

2.1.3 Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC

2.1.3.1 Đặc điểm doanh thu

- Do đặc điểm của công ty TNHH Thương mại VIC là công ty sản xuất thức ăn gia súc nên hầu hết sản phẩm của công ty là bán cho các đại lý của công ty và các cửa hàng được bán trực tiếp tại kho của công ty. Doanh thu chủ yếu của công ty là doanh thu về:

- + Thành phẩm thức ăn giá súc hỗn hợp Con Heo Vàng, hỗn hợp lợn con, hỗn hợp Ông Tiên,...
- + Bán thành phẩm hỗn hợp Con Heo Vàng, bán thành phẩm dạng viên, bán thành phẩm sơ chế,...
- + Ngoài ra các loại khác: thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu,....

- Doanh thu hoạt động tài chính của công ty TNHH Thương mại VIC chủ yếu là lãi từ tiền gửi Ngân hàng.

- Thu nhập khác của công ty TNHH Thương mại VIC chủ yếu là thu nhập chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản.

2.1.3.2 Đặc điểm chi phí

- Công ty TNHH Thương mại VIC tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Chi phí tài chính của công ty TNHH Thương mại VIC chủ yếu là chi phí về trả lãi tiền vay Ngân hàng.

- Chi phí bán hàng trong công ty TNHH Thương mại VIC là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm của công ty bao gồm: chi phí đóng gói, bảo quản, lưu kho, lưu bãi, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí khác phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại VIC là toàn bộ chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, BHYT, BHXH, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, các chi phí vật liệu văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý, các dịch vụ mua ngoài.

- Chi phí khác chủ yếu phát sinh khi thanh lý máy móc, thiết bị.

2.1.3.3 Đặc điểm kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

Kết quả kinh doanh	=	Doanh thu thuần	-	Chi phí	+	Kết quả hoạt động tài chính	+	Kết quả hoạt động khác
--------------------	---	-----------------	---	---------	---	-----------------------------	---	------------------------

Trong đó:

Chi phí = Giá vốn hàng bán + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

2.1.4 Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC

- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Thương mại VIC theo quý.

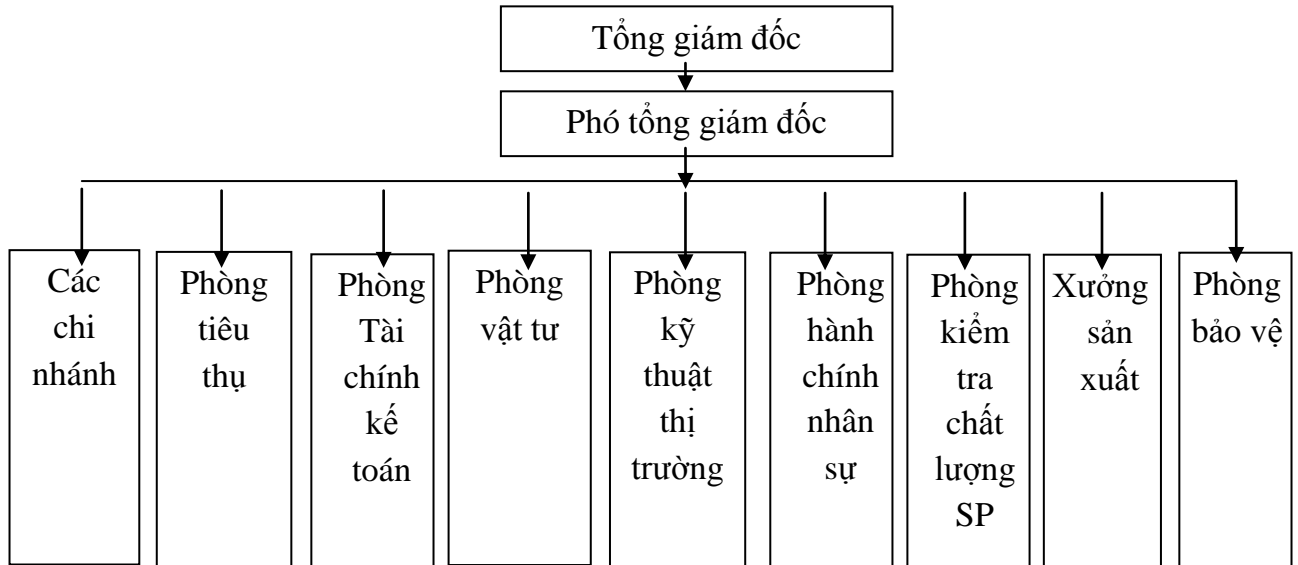
- Việc xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHTM VIC được thực hiện vào cuối mỗi quý.

2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại VIC

Công ty TNHH Thương mại VIC tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng, thực hiện chế độ một thủ trưởng, cấp dưới nhận lệnh của

cấp trên, phân chia bộ phận chuyên môn hóa sâu, tổ chức nhân sự hợp lý, đầy đủ rõ ràng về trách nhiệm và quyền lợi. Thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại VIC



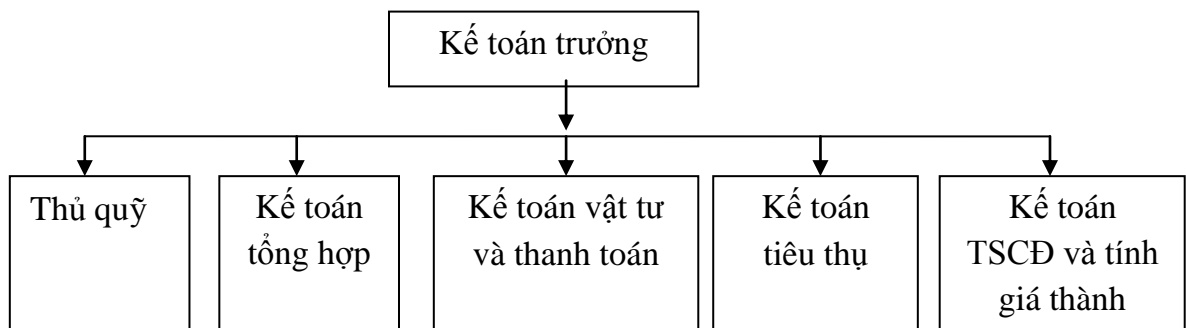
(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

2.1.6 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại VIC

2.1.6.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán ghi nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC



(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

2.1.6.2 Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Thương mại VIC

- Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Niên độ kế toán trùng với năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công ty: đồng Việt Nam

- Hình thức kế toán Công ty áp dụng: Hình thức Nhật ký chung

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

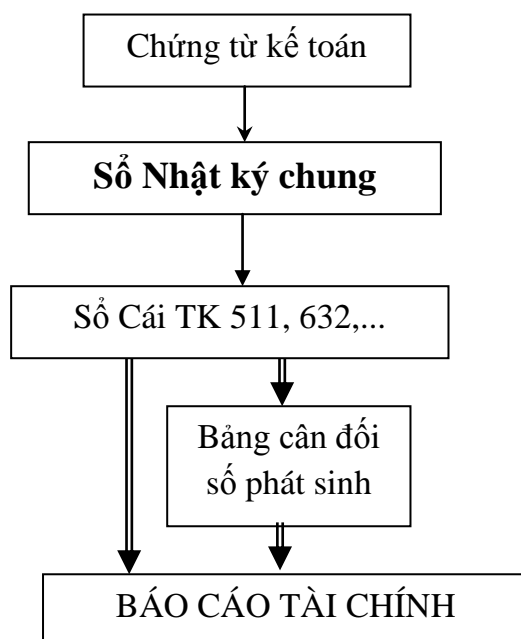
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán

Nhật Ký Chung



- **Ghi chú:** Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu: <----->

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC

2.2.1 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại VIC

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Phiếu thu, phiếu xuất kho

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

c. Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511.

Ví dụ 2.1: Ngày 01/12/2014, xuất hàng bán cho đại lý Phạm Tuyết thức ăn gia súc, thu ngay bằng tiền mặt, tổng số tiền hàng là 8.672.500.

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/14P			
Liên 3: (Luân chuyển nội bộ)		Số: 0001499			
Ngày 01 tháng 12 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại VIC					
Mã số thuế: 0200358184					
Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Số tài khoản: 3408659 Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3742.999					
Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Tuyết					
Tên đơn vị: Đại lý Phạm Tuyết					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM			Số tài khoản.....		
T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	TACV HH SV20	Kg	900	6.400	5.760.000
2	TACV HH SV10	Kg	500	5.825	2.912.500
Cộng tiền hàng:					8.672.500
Thuế suất GTGT: 5 %		Tiền thuế GTGT:			433.625
Tổng cộng tiền thanh toán:					9.106.125
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu một trăm linh sáu nghìn một trăm hai mươi lăm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng (biểu số 2.1) kế toán ghi phiếu thu (biểu số 2.2):

Biểu số 2.2: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty TNHH TM VIC

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 01-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính)

PHIẾU THU

Ngày 01 tháng 12 năm 2014

Số: 01/12

Nợ: 111

Có: 511

Có: 3331

Họ, tên người nộp tiền: Phạm Thị Tuyết

Địa chỉ: Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 9.106.125đ

Viết bằng chữ: Chín triệu một trăm linh sáu nghìn một trăm hai mươi lăm đồng.

Kèm theo:.....Chứng từ gốc:.....

Ngày 01 tháng 12 năm 2014

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Ví dụ 2.2: Ngày 05/12/2014, xuất hàng bán cho đại lý Hoa Cường thức ăn gia súc chưa thanh toán, tổng tiền hàng 11.812.500.

Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/14P			
Liên 3: (Luân chuyển nội bộ)		Số: 0001515			
Ngày 05 tháng 12 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại VIC					
Mã số thuế: 0200358184					
Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Số tài khoản: 3408659 Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3742.999					
Họ tên người mua hàng: Đào Thị Hoa					
Tên đơn vị: Đại lý Hoa Cường					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM/CK			Số tài khoản.....		
T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
T	2	3	4	5	6=4x5
1	TAGS ĐĐ SH9999-R	Kg	900	12.500	11.250.000
Cộng tiền hàng:					11.250.000
Thuế suất GTGT: 5 %			Tiền thuế GTGT:		562.500
Tổng cộng tiền thanh toán:					11.812.500
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Ví dụ 2.3: Ngày 05 tháng 12 năm 2014, xuất hàng bán cho đại lý Long Hải thức ăn gia súc, tổng tiền 50.754.375, thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5%.

Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/14P			
Liên 3: (Luân chuyển nội bộ)		Số: 0001516			
Ngày 05 tháng 12 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại VIC					
Mã số thuế: 0200358184					
Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Số tài khoản: 3408659 Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3742.999					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Hải					
Tên đơn vị: Đại Lý Long Hải					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: An Đông – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK			Số tài khoản.....		
T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	TAGS ĐĐ (S12-T)	Kg	2500	11.301	28.252.500
2	TACV HH SV20	Kg	1500	6.400	9.600.000
3	TACV HH SV10	Kg	1800	5.825	10.485.000
Cộng tiền hàng:					48.337.500
Thuế suất GTGT: 5 %			Tiền thuế GTGT:		2.416.875
Tổng cộng tiền thanh toán:					50.754.375
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi triệu bảy trăm năm mươi tư ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.5: Giấy báo có

Ngân hàng TMCP Á Châu
Chi nhánh: ACB – CN HẢI
PHÒNG

GIẤY BÁO CÓ
Ngày: 05-12-2014

Mã GDV:
GIANGDHHAP
Mã KH: 44048
Số GD: 0596

Kính gửi: CTY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Mã số thuế: 0200358184

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 3408659

Số tiền bằng số: 50.754.375

Số tiền bằng chữ: Năm mươi triệu bảy trăm năm mươi tư ngàn, ba trăm bảy mươi lăm đồng chẵn..

Nội dung: Thanh toán tiền hàng.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu số 2.1, 2.3, 2.4), phiếu thu (biểu số 2.2), giấy báo có (biểu số 2.5) kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6):

Biểu số 2.6: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03a – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			...			
01/12	HĐ0001499	01/12	Xuất bán cho đại lý	111	9.106.125	
	PT01/12	01/12	Phạm Tuyết thu bằng tiền mặt	511 3331		8.672.500 433.625
			...			
05/12	HĐ0001515	05/12	Xuất bán cho đại lý Hoa Cường chưa thu tiền.	131 511 3331	11.812.500	11.250.000 562.500
05/12	HĐ0001516	05/12	Xuất bán cho đại lý Long Hải thu bằng tiền gửi ngân hàng	112 511 3331	50.754.375	48.337.500 2.416.875
			...			
			Cộng phát sinh quý 4		628.964.203.480	628.964.203.480
			Cộng lũy kể từ đầu năm		2.768.513.996.865	2.768.513.996.865

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6) kế toán ghi Sổ cái TK 511 (biểu số 2.7):

Biểu số 2.7: Trích Sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK 511- Doanh thu bán hàng

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			...			
01/12	HĐ0001499	01/12	Bán thu bằng tiền mặt	111		8.672.500
			...			
05/12	HĐ0001515	05/12	Bán chưa thu tiền.	131		11.250.000
05/12	HĐ0001516	05/12	Bán thu bằng tiền gửi ngân hàng	112		48.337.500
			...			
31/12	PKT46	31/12	K/c Doanh thu quý IV		113.950.482.910	
			Cộng phát sinh quý 4		113.950.482.910	113.950.482.910
			Cộng lũy kế từ đầu năm		525.126.702.435	525.126.702.435
			Số dư cuối năm			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán

a. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 632 – Giá vốn hàng bán.

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 632.

Lấy lại ví dụ 2.1, 2.2, 2.3:

- Căn cứ vào các thông tin bán hàng trên các Hóa đơn GTGT (biểu số 2.1, 2.3, 2.4), kế toán lập các phiếu xuất kho tương ứng (biểu số 2.8, 2.9, 2.10).

- Căn cứ vào phiếu xuất kho, thủ kho tiến hành xuất hàng rồi ghi số lượng vào cột thực xuất. Cột đơn giá và thành tiền trên phiếu xuất kho do kế toán xác định.

- Trích từ sổ chi tiết thành phẩm Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô Phi và cá có vảy từ 10-20g tháng 12/2014:

Tồn cuối ngày 30/11/2014: 2.300kg với đơn giá 5.769

Ngày 01/12/2014 xuất 900kg

Ngày 03/12/2014 nhập 5.500kg với đơn giá 5.710

Ngày 05/12/2014 xuất 1.500kg

Đơn giá xuất kho bình quân liên hoàn ngày 01/12: 5.769

=> Trị giá xuất kho ngày 01/12: $900 \times 5.769 = 5.192.100$

Đơn giá xuất kho bình quân liên hoàn ngày 05/12 = $\frac{(1.400 \times 5.769) + (5.500 \times 5.710)}{1.400 + 5.500} = 5.722$

=> Trị giá xuất kho ngày 05/12: $1.500 \times 5.722 = 8.583.000$

Đơn giá xuất kho bình quân liên hoàn các sản phẩm khác xác định tương tự như trên.

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số 02 – VT

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 01/12/2014

Họ tên người nhận hàng: Phạm Thị Tuyết

Số: 01/12

Địa chỉ: Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Nợ Tk 632

Xuất tại kho: kho thành phẩm

Có TK 155

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
			Yêu cầu	Thực xuất		
1	TACV HH SV20	Kg	900	900	5.769	5.192.100
2	TACV HH SV10	Kg	500	500	5.132	2.566.000
	Cộng		1.400	1.400		7.758.100

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số 02 – VT

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05/12/2014

Họ tên người nhận hàng: Đào Thị Hoa

Số: 11/12

Địa chỉ: Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Nợ Tk 632

Xuất tại kho: kho thành phẩm

Có TK 155

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
			Yêu cầu	Thực xuất		
1	TAGS ĐĐ SH9999-R	Kg	900	900	10.984	9.885.600
	Cộng		900	900		9.885.600

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số 02 – VT

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05/12/2014

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Hải

Số: 12/12

Địa chỉ: An Đông, An Dương, Hải Phòng

Nợ Tk 632

Xuất tại kho; kho thành phẩm công ty

Có TK 155

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
			Yêu cầu	Thực xuất		
1	TAGS ĐĐ (S12-T)	Kg	2500	2500	8.847	22.117.500
2	TACV HH SV20	Kg	1500	1500	5.722	8.583.000
3	TACV HH SV10	Kg	1800	1800	5.125	9.225.000
	Cộng		6.800	6.800		39.925.500

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ vào Phiếu xuất kho (biểu số 2.8, 2.9, 2.10) kế toán ghi sổ Nhật Ký chung (biểu số 2.11).

Biểu số 2.11: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03a – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			...			
01/12	PX01/12	01/12	Xuất bán cho đại lý Phạm Tuyết	632 155	7.758.100	7.758.100
	HĐ0001499	01/12	Bán thu bằng tiền mặt	111	9.106.125	
	PT01/12	01/12		511 3331		8.672.500 433.625
			...			
05/12	PX11/12	05/12	Xuất bán cho đại lý Hoa Cường	632 155	9.885.600	9.885.600
	HĐ0001515	05/12	Bán chưa thu tiền.	131 511 3331	11.812.500	11.250.000 562.500
05/12	PX12/12	05/12	Xuất bán cho đại lý Long Hải	632 155	39.925.500	39.925.500
	HĐ0001516	05/12	Bán thu bằng tiền gửi ngân hàng	112 511 3331	50.754.375	48.337.500 2.416.875
			...			
			Cộng phát sinh quý 4		628.964.203.480	628.964.203.480
			Cộng lũy kể từ đầu năm		2.768.513.996.865	2.768.513.996.865

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 632 (biểu số 2.12):

Biểu số 2.12: Trích sổ cái TK 632

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK 632 – Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			...			
01/12	PX01/12	01/12	Xuất bán cho đại lý Phạm Tuyết	155	7.758.100	
			...			
05/12	PX11/12	05/12	Xuất bán cho đại lý Hoa Cường	155	9.885.600	
05/12	PX12/12	05/12	Xuất bán cho đại lý Long Hải	155	39.925.500	
			...			
31/12	PKT47	31/12	K/c giá vốn HB quý IV			107.191.027.100
			Cộng phát sinh quý 4		107.191.027.100	107.191.027.100
			Cộng lũy kế từ đầu năm		498.071.907.235	498.071.907.235
			Số dư cuối năm			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại VIC

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT, phiếu chi (Mẫu số 02-TT), giấy đề nghị thanh toán,...

b. Tài khoản sử dụng

- TK 641: Chi phí bán hàng
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

c. Sổ sách sử dụng

- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, bảng phân bổ lương, bảng phân bổ khấu hao, ...

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 641, 642.

Ví dụ 2.4: Ngày 31/12/2014 kế toán lập bảng phân bổ nguyên vật liệu.

Biểu số 2.13: Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu tháng 12/2014

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số 07-VT

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2014

STT	Đối tượng sử dụng (Ghi nợ các TK)	Ghi có TK 152	TK 152
I	TK 621		253.701.404
	Xuất nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm		253.701.404
II	TK 627		116.612.665
	Xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất		116.612.665
III	TK 641		57.139.582
	Xuất nguyên vật liệu phục vụ bán hàng		57.139.582
IV	TK 642		15.607.179
	Xuất nguyên vật liệu phục vụ quản lý doanh nghiệp		15.607.179
	Tổng cộng		443.060.830

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Ví dụ 2.5: Ngày 31/12/2014 kế toán lập bảng phân bổ lương.

Biểu số 2.14: Bảng phân bổ lương tháng 12/2014

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số 02 – LĐTL

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỔ LƯƠNG

Tháng 12 năm 2014

STT	Ghi Có Ghi Nợ	Lương phải trả (TK334)	TK 338				Cộng Có TK 338
			Kinh phí công đoàn	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm Y tế	Bảo hiểm thất nghiệp	
1	TK 622	325.460.200	6.509.204	45.100.800	7.516.800	2.505.600	61.632.404
2	TK 627	62.280.000	1.245.600	9.954.360	1.659.060	553.020	13.412.040
3	TK 641	66.770.000	1.335.400	8.199.000	1.366.500	455.500	11.356.400
4	TK 642	135.370.400	2.707.408	18.531.000	3.088.500	1.029.500	25.356.408
5	TK 334			36.348.960	6.815.430	4.543.620	47.708.010
	Tổng	589.880.600	11.797.612	118.134.120	20.446.290	9.087.240	159.465.262

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại
VIC)

Ví dụ 2.6: Ngày 31/12/2014 kê toán lập bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.

Biểu số 2.15: Trích bảng tính và phân bổ khấu hao tháng 12/2014

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 năm 2014

STT	Tên tài sản cố định	Nguyên giá	Số khấu hao phải tính tháng 12	Thời gian SD (Năm)	Phân bổ cho từng bộ phận		
					627	641	642
1	Máy chưng cất đạm VP300	117.120.000	1.220.000	8	1.220.000		
2	Máy photo MP7500	45.000.000	750.000	5			750.000
3	Xe đầu kéo Thaco1	348.000.000	2.900.000	10		2.900.000	
...	
	Cộng	110.228.000.000	165.795.843		92.970.500	44.743.593	28.081.750

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ vào bảng phân bổ nguyên liệu vật liệu (biểu số 2.13), bảng phân bổ lương (biểu số 2.14), bảng tính và phân bổ khấu hao (biểu số 2.15), kế toán ghi sổ Nhật ký chung:

Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03a – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
31/12	PBVL12	31/12	Phân bổ nguyên vật liệu tháng 12	621 627 641 642 152	253.701.404 116.612.665 57.139.582 15.607.179	443.060.830
31/12	PBL12	31/12	Tính ra lương phải trả công nhân viên tháng 12	622 627 641 642 334	325.460.200 62.280.000 66.770.000 135.370.400	589.880.600
31/12	PBL12	31/12	Các khoản trích theo lương công nhân viên tháng 12	622 627 641 642 334 338	61.632.404 13.412.040 11.356.400 25.356.408 47.708.010	159.465.262
31/12	PBKH12	31/12	Phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12	627 641 642 214	92.970.500 44.743.593 28.081.750	165.795.843
			...			
			Cộng phát sinh quý 4		628.964.203.480	628.964.203.480
			Cộng lũy kế từ đầu năm		2.768.513.996.865	2.768.513.996.865

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ sổ Nhật ký chung (biểu số 2.16) kế toán ghi sổ cái TK 641 (biểu số 2.17), sổ cái TK 642 (biểu số 2.18).

Biểu số 2.17: Trích sổ cái TK 641

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK 641 – Chi phí bán hàng

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
31/12	PBVL12	31/12	Phân bổ nguyên vật liệu tháng 12	152	57.139.582	
31/12	PBL12	31/12	Tính ra lương phải trả công nhân viên tháng 12	334	66.770.000	
31/12	PBL12	31/12	Các khoản trích theo lương công nhân viên tháng 12	338	11.356.400	
31/12	PBKH12	31/12	Phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12	214	44.743.593	
31/12	PKT47	31/12	K/c CPBH quý IV	911		2.675.912.018
			Cộng phát sinh quý 4		2.675.912.018	2.675.912.018
			Cộng lũy kế từ đầu năm		11.382.606.664	11.382.606.664
			Số dư cuối năm			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.18: Trích sổ cái TK 642

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
31/12	PBVL12	31/12	Phân bổ nguyên vật liệu tháng 12	152	15.607.179	
31/12	PBL12	31/12	Tính ra lương phải trả công nhân viên tháng 12	334	135.370.400	
31/12	PBL12	31/12	Các khoản trích theo lương công nhân viên tháng 12	338	25.356.408	
31/12	PBKH12	31/12	Phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12	214	28.081.750	
31/12	PKT47	31/12	K/c CP QLDN quý IV			1.334.827.648
			Cộng phát sinh quý 4		1.334.827.648	1.334.827.648
			Cộng lũy kế từ đầu năm		6.248.764.828	6.248.764.828
			Số dư cuối năm			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

2.2.2 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại VIC

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có
- Giấy báo nợ, ...

b. Tài khoản sử dụng

- Tk 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515, 635.

Ví dụ 2.7: Ngày 31/12/2014 Công ty nhận được giấy báo Có của Ngân hàng TMCP Á Châu về việc được hưởng lãi tiền gửi với số tiền là 4.235.912.

Biểu số 2.19: Giấy báo có

Kính gửi: CTY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Mã số thuế: 0200358184

Ngân hàng TMCP Á Châu
Chi nhánh: ACB – CN
HẢI PHÒNG

GIẤY BÁO CÓ
Ngày: 31-12-2014

Mã GDV: KHUENHHP
Mã KH: 44048
Số GD: 0887

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 3408659

Số tiền bằng số: 4.235.912

Số tiền bằng chữ: Bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm mười hai đồng chẵn.

Nội dung: Lãi nhập vốn.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ vào Giấy báo Có (biểu số 2.19), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.20):

Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03a – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			...			
31/12	BC887	31/12	Lãi nhập vốn	112 515	4.235.912	4.235.912
			...			
			Cộng phát sinh quý 4		628.964.203.480	628.964.203.480
			Cộng lũy kế từ đầu năm		2.768.513.996.865	2.768.513.996.865

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.20), kế toán ghi sổ Cái TK 515 (biểu số 2.21):

Biểu số 2.21: Trích sổ cái TK 515

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng g ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			...			
31/12	BC887	31/12	Lãi nhập vốn	112		4.235.912
31/12	PKT72	31/12	K/C DTTC quý IV	911	21.816.729	
			Cộng phát sinh quý 4		21.816.729	21.816.729
			Cộng lũy kế từ đầu năm		90.976.160	90.976.160
			Số dư cuối năm			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

2.2.3 Nội dung hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH Thương mại VIC

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán

b. Tài khoản sử dụng

- TK 711: Thu nhập khác
- TK 811: Chi phí khác

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 711, 811

Ví dụ 2.8: Ngày 31/12/2014 Công ty nộp phạt tiền nộp chậm bảo hiểm số tiền 170.800.

Biểu số 2.22: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH TM VIC

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Họ, tên người nhận tiền: Phạm Quang Huy

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Lý do chi: Nộp tiền phạt nộp chậm BHXH, BHYT, BHTN

Số tiền: 170.800đ

Viết bằng chữ: Một trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng chẵn.

Kèm theo:..... Chứng từ gốc:.....

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ vào phiếu chi (biểu số 2.22), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.23)

Biểu số 2.23: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03a – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			...			
31/12	PC57/12	31/12	Nộp tiền nộp chậm bảo hiểm	811 111	170.800	170.800
			...			
			Cộng phát sinh quý 4		628.964.203.480	628.964.203.480
			Cộng lũy kế từ đầu năm		2.768.513.996.865	2.768.513.996.865

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.23), kế toán ghi sổ cái TK 811 (biểu số 2.24):

Biểu số 2.24: Trích sổ cái TK 811

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK 811 – Chi phí khác

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			...			
31/12	PC57/12	31/12	Nộp tiền nộp chậm bảo hiểm	111	170.800	
31/12	PKT47	31/12	K/c chi phí khác quý IV	811		986.024.778
			Cộng phát sinh quý 4		986.024.778	986.024.778
			Cộng lũy kể từ đầu năm		5.462.362.145	5.462.362.145
			Số cuối đầu năm			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán

b. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

c. Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái TK 511, 515, 632, 635, 641, 642, 711, 811, 821, 421, 911

* Cuối quý, căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 511, 515, 711, kế toán tiến hành bù trừ hai bên Nợ - Có để tìm số tiền cần thiết kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số 46 phản ánh việc kết chuyển doanh thu, thu nhập như biểu số 2.25.

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 46

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 46

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c doanh thu quý IV	511	911	113.950.482.910
2	K/c doanh thu HĐTC quý IV	515	911	21.816.729
3	K/c thu nhập khác quý IV	711	911	1.068.292.006
	Cộng			115.040.591.645

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

* Cuối quý, căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 632, 641, 642, 635, 811 kế toán tiến hành bù trừ hai bên Nợ - Có để tìm số tiền cần thiết kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số 47 phản ánh việc kết chuyển chi phí kinh doanh (biểu số 2.26).

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 47

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 47

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c giá vốn hàng bán quý IV	911	632	107.191.027.100
2	K/c chi phí bán hàng quý IV	911	641	2.675.912.018
3	K/c chi phí QLDN quý IV	911	642	1.334.827.648
4	K/c chi phí khác quý IV	911	811	986.024.778
	Cộng			112.187.791.544

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

* Căn cứ vào phiếu kế toán số 46, 47, kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.27):

Biểu số 2.27: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03a – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày

20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển doanh thu quý IV	511 911	113.950.482.910	113.950.482.910
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển Doanh thu tài chính quý IV	515 911	21.816.729	21.816.729
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển Thu nhập khác quý IV	711 911	1.068.292.006	1.068.292.006
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển Giá vốn hàng bán quý IV	911 632	107.191.027.100	107.191.027.100
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển Chi phí bán hàng quý IV	911 641	2.675.912.018	2.675.912.018
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển Chi phí QLDN quý IV	911 642	1.334.827.648	1.334.827.648
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển Chi phí khác quý IV	911 811	986.024.778	986.024.778
31/12	PKT48	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp quý IV	821 3334	718.175.608	718.175.608
31/12	PKT49	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN quý IV	911 821	718.175.608	718.175.608
31/12	PKT50	31/12	Kết chuyển Lãi quý IV	911 421	2.154.526.823	2.154.526.823
			Cộng phát sinh quý 4		628.964.203.480	628.964.203.480
			Cộng lũy kế từ đầu năm		2.768.513.996.865	2.768.513.996.865

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

* Căn cứ sổ Nhật ký chung (biểu số 2.27) kế toán ghi sổ cái TK511 (biểu số 2.7), sổ cái TK632 (biểu số 2.12), sổ cái TK641 (biểu số 2.17), sổ cái TK642 (biểu số 2.18), sổ cái TK515 (biểu số 2.21), sổ cái TK 811 (biểu số 2.24), sổ cái TK911 (biểu số 2.28):

Biểu số 2.28: Trích sổ cái TK 911

SỔ CÁI

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển doanh thu quý IV	511		113.950.482.910
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển Doanh thu tài chính quý IV	515		21.816.729
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển Thu nhập khác quý IV	711		1.068.292.006
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển Giá vốn hàng bán quý IV	632	107.191.027.100	
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển Chi phí bán hàng quý IV	641	2.675.912.018	
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển Chi phí QLDN quý IV	642	1.334.827.648	
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển Chi phí khác quý IV	811	986.024.778	
31/12	PKT49	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN quý IV	821	627.616.022	
31/12	PKT50	31/12	Kết chuyển Lãi quý IV	421	2.225.184.079	
			Cộng phát sinh quý 4		115.040.591.645	115.040.591.645
			Cộng lũy kể từ đầu năm		513.073.871.204	513.073.871.204
			Số dư cuối năm			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

* Căn cứ vào sổ cái TK 911, kế toán xác định số lợi nhuận trước thuế TNDN, từ đó lập phiếu kế toán số 48 phản ánh số thuế TNDN tạm phải nộp quý 4 như biểu số 2.29:

Biểu số 2.29: Phiếu kế toán số 48

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 48

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN phải nộp quý IV	821	3334	627.616.022
	Cộng			627.616.022

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

* Căn cứ phiếu kế toán số 48 kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.7).

* Căn cứ sổ Nhật ký chung (biểu số 2.27) kế toán ghi sổ cái TK 821 (biểu số 2.30):

Biểu số 2.30: Trích sổ cái TK 821

SỔ CÁI

Số hiệu TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			...			
31/12	PKT48	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp quý IV	3334	627.616.022	
31/12	PKT49	31/12	K/c CP TTNDN quý IV	911		627.616.022
			Cộng phát sinh quý 4		627.616.022	627.616.022
			Cộng lũy kế từ cuối năm		2.207.894.284	2.207.894.284
			Số dư cuối năm			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

* Căn cứ vào sổ cái TK 821 (biểu số 2.30), kế toán xác định số chi phí thuế TNDN cần kết chuyển, từ đó lập phiếu kế toán số 49 phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4 như biểu số 2.31:

Biểu số 2.31: Phiếu kế toán số 49

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 49

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý IV	911	821	627.616.022
	Cộng			627.616.022

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

* Căn cứ vào phiếu kế toán số 49, kế toán ghi sổ Nhật ký chung như biểu số 2.27.

* Căn cứ sổ Nhật ký chung (biểu số 2.27) kế toán ghi vào sổ cái TK 821 như biểu số 2.30, sổ cái TK 911 như biểu số 2.28

* Căn cứ vào sổ cái TK 911 (biểu số 2.28), kế toán xác định số lợi nhuận sau thuế TNDN, từ đó lập phiếu kế toán số 50 phản ánh số lợi nhuận sau thuế quý 4 (biểu số 2.32):

Biểu số 2.32: Phiếu kế toán số 50

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 50

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lãi quý IV	911	421	2.225.184.079
	Cộng			2.225.184.079

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ vào phiếu kế toán số 50, kế toán ghi sổ Nhật ký chung như biểu số 2.27.

Căn cứ sổ Nhật ký chung (biểu số 2.27) kế toán ghi vào sổ cái TK 911 như biểu số 2.28, sổ cái TK 421 như biểu số 2.33.

Biểu số 2.33: Trích sổ cái TK 421

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng. *(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Số hiệu TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			<u>3.486.970.803</u>
			...			
31/12	PKT50	31/12	Kết chuyển lãi quý IV	911		2.225.184.079
			Cộng phát sinh quý 4		345.024.700	2.225.184.079
			Cộng lũy kế từ cuối năm		2.986.445.632	7.827.989.535
			Số dư cuối năm			<u>8.328.514.706</u>

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương mại VIC)

Căn cứ vào sổ cái các tài khoản, kê toán ghi vào Bảng cân đối tài khoản (biểu số 2.34):

Biểu số 2.34: Trích bảng cân đối tài khoản
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN
Năm 2014

Số hiệu	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Lũy kế phát sinh từ đầu năm		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	...						
421	Lợi nhuận chưa phân phối		3.486.970.803	2.986.445.632	7.827.989.535		8.328.514.706
511	Doanh thu bán hàng và CCDV			525.126.702.435	525.126.702.435		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			90.976.160	90.976.160		
	...						
632	Giá vốn hàng bán			498.071.907.235	498.071.907.235		
635	Chi phí tài chính			580.389.325	580.389.325		
641	Chi phí bán hàng			11.382.606.664	11.382.606.664		
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			6.248.764.828	6.248.764.828		
711	Thu nhập khác			6.564.235.621	6.564.235.621		
811	Chi phí khác			5.462.362.145	5.462.362.145		
821	Chi phí thuế TNDN			2.207.894.484	2.207.894.484		
911	Xác định kết quả kinh doanh			531.781.914.216	531.781.914.216		
	Cộng	1.011.948.203.677	1.011.948.203.677	2.768.513.996.865	2.768.513.996.865	984.267.008.942	984.267.008.942

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương Mại VIC)

Căn cứ vào bảng cân đối tài khoản, kế toán ghi Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (biểu số 2.34):

Biểu 2.35: Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Số năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	525.126.702.435
2. Các khoản giảm trừ doanh thu (03=04+05+06+07)	3	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	525.126.702.435
4. Giá vốn hàng bán	11	498.071.907.235
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	27.054.795.200
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	90.976.160
7. Chi phí tài chính	22	580.389.325
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	373.966.916
8. Chi phí bán hàng	24	11.382.606.664
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.248.764.828
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30	8.934.010.543
11. Thu nhập khác	31	6.564.235.621
12. Chi phí khác	32	5.462.362.145
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	1.101.873.476
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	10.035.884.019
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.207.894.484
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	7.827.989.535

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương Mại VIC)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH thương mại VIC.

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả và khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty có nhiều ưu điểm, song cũng có nhiều hạn chế nhất định.

3.1.1 Ưu điểm

Công ty TNHH Thương mại VIC là một doanh nghiệp luôn đạt được hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập cán bộ công nhân viên ổn định. Đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò vị thế của Công ty trên toàn quốc.

➤ *Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:*

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng cho cấp lãnh đạo.

➤ *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán sẽ phát huy được hiệu quả tối đa. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ với từng phần hành cụ thể một cách hợp lý. Kế toán trưởng sẽ trực tiếp điều hành lãnh đạo các nhân viên trong phòng kế toán. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Mặt khác, giữa các kế toán viên phụ trách các phần hành kế toán khác nhau cũng có sự phối hợp thường xuyên để hạch toán các phần hành kế toán có liên quan. Bộ phận kế toán của công ty có nhiệm vụ thu thập, xử lý các

thông tin kinh tế phục vụ cho quá trình hạch toán kế toán và cung cấp thông tin tài chính phục vụ tốt công tác quản lý tài chính của công ty.

➤ ***Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:***

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Với kết cấu đơn giản, dễ ghi chép hình thức này rất phù hợp với công tác kế toán tại doanh nghiệp, đảm bảo hệ thống kế toán của doanh nghiệp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

➤ ***Về hệ thống chứng từ sử dụng:***

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đúng mẫu theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, ngoài ra Công ty còn sử dụng một số chứng từ hướng dẫn mà ở đó các chứng từ được hoàn chỉnh theo đặc thù của công ty. Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng. Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện tương đối nhanh chóng, kịp thời.

➤ ***Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:***

Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu được đảm bảo đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm kế toán, công ty vẫn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích làm sáng tỏ để từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp đầy đủ và chính xác hơn nữa những thông tin tài chính, cụ thể:

➤ **Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:** Việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng Công ty vẫn còn rất hạn chế trong việc mở Sổ chi tiết các tài khoản. Điều này đã gây trở ngại cho việc theo dõi tại Công ty, cụ thể đó là:

- Sổ chi tiết bán hàng: Việc mở Sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp cho kế toán theo dõi chi tiết doanh thu của từng loại hàng hóa và tính toán được lãi gộp của từng mặt hàng hóa. Công ty không mở Sổ chi tiết bán hàng vì vậy kế toán chỉ có thông tin về tổng doanh thu mà không có thông tin về lãi gộp.

- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán: Việc mở sổ này nhằm giúp cho kế toán theo dõi giá vốn từng mặt hàng bán ra vì Công ty có rất nhiều mặt hàng hóa khác nhau. Khi Công ty không mở Sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán sẽ khó có thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng để từ đó đưa ra được những quyết định cho việc sản xuất kinh doanh.

➤ **Hiện đại hóa công tác kế toán:** Tại công ty TNHH Thương mại VIC, công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công. Vì vậy việc ghi chép vào sổ chậm, dễ sai sót, vấn đề lưu trữ dữ liệu và lấy dữ liệu rất khó khăn, phức tạp.

- Đối với nhà quản trị: Sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn nhiều nhân sự. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp, vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin một cách nhanh chóng tức thời.

- Đối với nhân viên kế toán, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, công tác tính toán tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt nên báo cáo tài chính rất vất vả.

➤ **Về xác định các khoản chi phí hợp lý trong chi phí khác:** Hiện tại tất cả các khoản chi phí khác phát sinh được kế toán tập hợp ở sổ cái tài khoản 811 đều được trừ vào thu nhập chịu thuế là chưa chính xác vì trong các khoản chi phí

khác còn gồm các khoản bị phạt. Các khoản này không được coi là chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế.

3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh Công ty TNHH Thương mại VIC.

Việc quản lý tài chính hiệu quả giữ vị trí vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp. Điều này mang lại sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, sự nỗ lực của các đối tác về một công ty nghiêm túc và mở thêm nhiều cơ hội hợp tác cho doanh nghiệp.

Việc quản lý nguồn vốn hiệu quả mang lại sức mạnh đầu tư cho doanh nghiệp. Một doanh nghiệp với khả năng tài chính mạnh luôn đủ lực khi được huy động cho việc đầu tư các lĩnh vực mới. Tỷ lệ thành công khi đó cũng luôn cao hơn so với các doanh nghiệp với nguồn vốn nhỏ. Bên cạnh đó, doanh nghiệp luôn bền sức trong các cuộc cạnh tranh dài hơi với đối thủ trên thương trường.

3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC

Để đạt được hiệu quả cao nhất trong sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cần phải xác định phương hướng mục tiêu trong đầu tư, biện pháp sử dụng các điều kiện có sẵn... Do vậy kế toán nên sử dụng hình thức phân tích các chỉ tiêu trên cơ sở các số liệu đã ghi chép để đáp ứng kịp thời các thông tin cần thiết cho việc ra quyết định tốt nhất. Ngoài các biện pháp cụ thể để công tác kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ ngày càng hoàn thiện hơn cũng cần có sự phối hợp, giúp đỡ của các phòng ban cũng như các lãnh đạo Công ty. Lãnh đạo Công ty là người có nhiệm vụ quản lý chung toàn bộ tình hình kinh doanh và phải quy định toàn bộ chức năng của các bộ phận ở các phòng ban và phòng kế toán đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận để sự luân chuyển chứng từ và thủ tục chứng từ ban đầu hợp lý, khoa học. Nếu như kế toán tiêu thụ sản phẩm hàng hoá dịch vụ nói riêng và bộ máy kế toán nói chung làm việc đúng chức năng, hiệu quả công việc cao thì xác định kết quả kinh doanh đúng, từ đó giúp cho người lãnh đạo đề ra hướng đúng cho Công ty và ngược lại nếu người quản lý, lãnh đạo làm tốt việc chỉ đạo sản xuất, tổ chức bộ máy gián tiếp, trực tiếp sẽ giúp cho công việc hạch toán được thuận lợi dễ dàng hơn. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Do đó việc

hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng phải được chú trọng. Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên mặt lý thuyết mà phải phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin kế toán phải xác thực, phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí một cách trung thực, khách quan, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Số liệu kế toán phải được phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Đây là việc làm cần thiết đối với các cơ quan chức năng: đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; đối với ngân hàng – giúp cho việc tính toán các khoản lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi; đối với cơ quan lãnh đạo trong việc đưa ra các phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

3.4 Nội dung và kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC

Dựa trên những hạn chế đã nêu ra ở trên và những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC:

➤ ***Kiến nghị 1: Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Công ty TNHH Thương mại VIC***

Công ty nên mở **sổ chi tiết bán hàng** cho từng mặt hàng như biểu 3.1 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho nhà quản trị thấy được tình hình tiêu thụ của các sản phẩm. Từ đó sẽ đưa ra được các quyết định kinh doanh cho từng mặt hàng, tức là có thông tin để giúp nhà quản lý quyết định xem nên mở rộng kinh doanh mặt hàng nào, hay thu hẹp hay dừng kinh doanh mặt hàng nào.

Công ty nên mở **sổ chi phí sản xuất kinh doanh** cho tài khoản 632 như biểu 3.3 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng làm căn cứ cho việc xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số S35 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):

Thángnăm.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531,532)
			Công phát sinh trong kỳ						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT như biểu số 2.1 và biểu số 2.4, kế toán lập sổ chi tiết bán hàng như biểu 3.2:

Biểu số 3.2: Trích Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số S35 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô Phi và cá có vảy từ 10-20g
Tháng 12 năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
01/12	HĐ0001499	01/12	Bán hàng cho ĐL Phạm Tuyết	111	900	6400	5.760.000		
05/12	HĐ0001516	05/12	Bán hàng cho ĐL Long Hải	112	1500	6400	9.600.000		
			...						
			Công phát sinh trong kỳ		90.680	6.400	580.352.000		
			Doanh thu thuần				580.352.000		
			Giá vốn hàng bán				532.042.240		
			Lãi gộp				48.309.760		

Biểu số 3.3: Sổ Chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số S36 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tài khoản:

- Tên phân xưởng:

- Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ):

Tháng ... năm ...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng tiền	Chia ra						
			Số dư đầu kỳ									
			Số phát sinh trong kỳ									
			Cộng số phát sinh									
			Ghi Có TK									
			Số dư cuối kỳ									

Căn cứ vào Phiếu xuất như biểu số 2.8 và biểu số 2.10, kế toán lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh như biểu 3.4:

SV: Nguyễn Thị Hương

68

Lớp: QTL701K

Biểu số 3.4: Sổ Chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số S36 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tài khoản: Giá vốn hàng bán

- Tên phân xưởng: Phân xưởng 1

- Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ): Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô Phi và cá có vảy từ 10-20g

Tháng 12 năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng tiền	Chia ra				
			Số dư đầu kỳ							
01/12	PX1/12	01/12	Bán hàng cho ĐL Phạm Tuyết	155	5.192.100					
			Bán hàng cho ĐL Long Hải	155	8.583.000					
			...							
			Cộng số phát sinh		532.042.240					
			Ghi Có TK		532.042.240					
			Số dư cuối kỳ							

➤ **Kiến nghị 2: Về xác định kết quả kinh doanh chi tiết**

Việc lập bảng phân bổ cho hai tài khoản 641, 642 theo doanh thu thuần cho từng mặt hàng sẽ giúp nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh cuối cùng của mặt hàng này ở cuối quý là bao nhiêu để từ đó đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn vì vậy công ty nên lập bảng phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp như biểu số 3.5.

Công thức phân bổ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí bán hàng} \\ \text{(chi phí quản lý} \\ \text{doanh nghiệp)} \\ \text{cho mặt hàng A} \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí bán hàng (chi phí quản} \\ \text{lý doanh nghiệp) thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả mặt} \\ \text{hàng}} \times \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần của} \\ \text{mặt hàng A} \end{array}$$

Lấy ví dụ minh họa Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4 cho sản phẩm Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô Phi và cá có vẩy từ 10-20g (TACV HH SV20):

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí bán} \\ \text{hàng} \end{array} = \frac{2.675.912.018}{113.950.482.919} \times 1.650.934.000 = 38.769.069$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array} = \frac{1.334.827.648}{113.950.482.919} \times 1.650.934.000 = 19.339.210$$

Biểu số 3.5: Bảng phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Quý.....năm....

STT	Tên hàng	Doanh thu thuần				CPBH phân bổ cho từng mặt hàng	CPQLDN phân bổ cho từng mặt hàng
		Tháng ...	Tháng ...	Tháng ...	Cộng quý ...		
						38.769.069	19.339.210
	Cộng						

Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng, sổ cái TK 511, 641, 642 kế toán lập bảng phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (biểu số 36):

Biểu số 3.6: Trích bảng phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Quý IV năm 2014

STT	Tên hàng	Doanh thu thuần				CPBH phân bổ cho từng mặt hàng	CPQLDN phân bổ cho từng mặt hàng
		Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng quý 4		
1	TACV HH SV20	406.454.000	610.128.000	580.352.000	1.650.934.000	38.769.069	19.339.210
	...						
	Cộng	33.290.222.009	41.749.802.210	38.910.458.700	113.950.482.919	2.675.912.018	1.334.827.648

➤ **Kiến nghị 3: Về hiện đại hóa công tác kế toán:**

Công ty nên trang bị phần mềm kế toán để tạo điều kiện giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán viên và đặc biệt đảm bảo cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, đồng thời lưu trữ, bảo quản số liệu thuận lợi và an toàn, góp phần đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác kế toán nói riêng cũng như công tác quản lý nói chung, tạo hiệu quả cao hơn trong công việc. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán, em xin giới thiệu một số phần mềm phổ biến hiện nay công ty có thể lựa chọn phần mềm phù hợp:

- Phần mềm kế toán Fast Accounting: Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

- Phần mềm kế toán ACMAN: ACMAN được thiết kế và lập trình trên công nghệ hiện đại theo quy định chuẩn của bộ tài chính. Với phần mềm này người sử dụng chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh theo hệ thống chứng từ. Máy tính sẽ tự động tính toán và đưa vào các sổ sách, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phần mềm kế toán MISA: Phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hết các phần hành kế toán của nhiều loại hình doanh nghiệp. Với tiêu trí đơn giản hóa, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của doanh nghiệp.

➤ **Kiến nghị 4: Về xác định các khoản chi phí hợp lý trong chi phí khác:**

Cuối quý 4 công ty khi tính thu nhập chịu thuế công ty, khoản bị phạt do nộp chậm bảo hiểm đã không được trừ đi. Theo quy định của luật thuế Thu nhập doanh nghiệp cách tính này là chưa đúng.

Căn cứ vào sổ cái TK 811 (biểu số 2.23) xác định lại số chi phí hợp lý trong chi phí khác là: $986.024.778 - 170.800 = 985.853.978$

Căn cứ vào phiếu kế toán số 46 (biểu 2.24), ta có tổng doanh thu, thu nhập quý 4 của công ty: 115.040.591.645

Căn cứ vào phiếu kế toán số 47 (biểu 2.25), ta có tổng chi phí kinh doanh quý 4 của công ty: 112.187.620.744

Suy ra Lợi nhuận trước thuế TNDN: 2.852.970.900

Chi phí TTDN: 627.653.598

Lợi nhuận sau thuế TNDN: 2.225.317.302

3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

Công ty cần có đội ngũ cán bộ nhân viên kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế, tài chính doanh nghiệp, mà còn am hiểu, thành thạo trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị và lập báo cáo tài chính. Hơn nữa, cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp phục vụ kịp thời cho chỉ đạo quá trình kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành.
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh cả doanh nghiệp, đặc biệt chú ý trang bị phương tiện kỹ thuật áp dụng
- Tiếp cận các chuẩn mực quốc tế áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp giữ vị trí, vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua số liệu doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp biết được doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết sách về mặt chiến lược làm cho doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, phát triển và đứng vững trên thị trường.

Xuất phát từ thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại VIC em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói riêng và công tác quản lý nói chung của công ty như:

- Kiến nghị hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết
- Kiến nghị về xác định kết quả kinh doanh chi tiết
- Kiến nghị về hiện đại hóa công tác kế toán
- Kiến nghị về xác định các khoản chi phí hợp lý trong chi phí khác.

Do trình độ kiến thức thực tế còn hạn chế nên không tránh khỏi những khiếm khuyết, em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các cô chú anh chị trong phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương Mại VIC, của các thầy, cô giáo và thầy giáo hướng dẫn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự chỉ bảo, hướng dẫn tận tình của Thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên, và các cô chú phòng tài chính kế toán công ty TNHH Thương Mại VIC đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 02 tháng 7 năm 2015
Sinh viên

Nguyễn Thị Hương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Phan Đức Dũng (2014) – Nguyên lý kế toán – NXB Lao động – Xã hội.
2. TS. Phan Đức Dũng (2006) – Kế toán tài chính – NXB Lao động – Xã hội.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (2009), Bộ tài chính ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC:
 - *Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán.*
 - *Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán.*